CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL
DN: c=VN, st=HỒ CHÍ MINH, l=Thủ Đức, n=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0311315789
Date: 2024.03.30 21:32:14 +07'00'

CTCP TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL
BAMBOO CAPITAL GROUP JSC

BAMBOO CAPITAL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2024
Ho Chi Minh City, March 30, 2024

Số/*No.*: **17/2024/CBTT-BCG**

CÔNG BỐ THÔNG TIN

DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi/*To*: **- Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission***

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/*Hanoi Stock Exchange*

- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM/*HCM Stock Exchange*

Công ty/*Company*: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital/*Bamboo Capital Group JSC***
Mã chứng khoán/*Securities Code*: **BCG**

Người thực hiện công bố thông tin/*Submitted by*: Ông (Mr.) Phạm Minh Tuấn

Chức vụ/*Position*: Phó Chủ tịch HĐQT/ *Vice Chairman of the BOD*

Địa chỉ/*Address*: 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM/*27C Quoc Huong, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City.*

Điện thoại/*Telephone*: (028) 62 680 680 Fax: (028) 62 9911 88

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☑ Định kỳ

Information disclosure type: ☐ *24 hours* ☐ *Requested* ☐ *Irregular* ☑ *Periodic*

Nội dung công bố thông tin/*Content of Information disclosure*:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (BCG) công bố thông tin Báo cáo tài chính Riêng lẻ và Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2023.
Bamboo Capital Group Joint Stock Company (BCG) announced the Audited Standalone and Consolidated Financial Statements of 2023.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website: https://bamboocap.com.vn/ mục Quan hệ Nhà đầu tư.

This information has been published on our company's website: https://bamboocap.com.vn/ in Investor Relations section.

Tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin công bố.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN/
INFORMATION DISCLOSURE REPRESENTATIVE

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT/

VICE CHAIRMAN OF THE BOD

M.S.D.N: 0311315789 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM MINH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06 - 08
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	09 - 12
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	13
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	14 - 15
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	16 - 85

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 27 ngày 07/10/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:	5.334.676.220.000 VND
Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:	5.334.676.220.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "BCG".

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013). Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn sữa, các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, cà phê, cacao (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013) (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản (trừ: không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng), quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, mi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium. Cung cấp các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và thực hiện các hoạt động đầu tư.

4. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2023 của Tập đoàn được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 02/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 31 tháng 1 năm 2024, Tập đoàn đã ký kết hợp đồng nguyên tắc ngày 31 tháng 1 năm 2024 để sở hữu 45% cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa, một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0304374871 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 5 năm 2006. Theo đó, Tập đoàn sẽ thực hiện phát triển thêm Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc - huyện Củ Chi, Nhà máy đốt rác Tâm Sinh Nghĩa - Long An, Xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An, Nhà máy xử lý rác Thành phố Rạch Giá - Kiên Giang tại Xã Mỹ Lâm, Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang, Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Thủy Phương tại Xã Thủy Phương, Huyện Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế và Nhà máy xử lý rác thải tại Xã Duy Minh, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam từ việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa nói trên.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và Đại diện pháp luật

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT
Ông	Nguyễn Thế Tài	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám Đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT
Ông	Nguyễn Tùng Lâm	Thành viên HĐQT
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT độc lập
Ông	Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT độc lập
Ông	Vũ Xuân Chiến	Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm ngày 28/04/2023)
Ông	Đặng Đình Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm ngày 28/04/2023)
Ông	Bùi Thành Lâm	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 28/04/2023)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Lưu Xuân Thủy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/04/2023) & (miễn nhiệm ngày 24/11/2023)
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/04/2023)
Ông	Phạm Hữu Quốc	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông	Đồng Hải Hà	Trưởng ban
Ông	Nguyễn Viết Cương	Thành viên
Ông	Kou Kok Yiow	Thành viên

Đại diện pháp luật

Ông	Nguyễn Hồ Nam
Ông	Nguyễn Thế Tài

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và thành viên Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị với Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Tập đoàn tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị của Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

9. Cam kết khác

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

TM. Hội đồng Quản trị
Phó Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Phạm Minh Tuấn
(Theo Giấy ủy quyền số 03/2023/UQ-BCG ngày 01/03/2023)

No: 415 /BCKT/TC/2024/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024 từ trang 09 đến trang 85, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc, tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land - do đơn vị kiểm toán khác phát hành ngày 28 tháng 03 năm 2024 có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh: "Liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh có tổng giá trị là 2.550 tỷ đồng với ba công ty đối tác để đầu tư vào dự án Kinh Dương Vương ("Dự án"). Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần BCG Land, các đối tác hợp tác kinh doanh và chủ đầu tư Dự án đang làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để gia hạn chủ trương đầu tư và hoàn tất các thủ tục pháp lý để tiếp tục phát triển Dự án. Do đó, khả năng thu hồi các khoản đầu tư này tùy thuộc vào khả năng phát triển của Dự án trong tương lai". Nội dung này được trình bày ở Ghi chú (12) của Thuyết minh V.06 báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm và không làm ảnh hưởng đến kết luận của báo cáo này.

Chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy - do đơn vị kiểm toán khác phát hành ngày 29 tháng 02 năm 2024 có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh:

(i) Như trình bày tại Thuyết minh V.02 báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty con của Tập đoàn đã ghi nhận khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 54.407.098.920 đồng liên quan đến doanh thu của sản lượng điện bán cho Công ty Mua Bán Điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") được sản xuất từ phần công suất 83,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 Giai đoạn 2 và 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 3 Giai đoạn 2 được ước tính theo đơn giá trần quy định tại Quyết định số 21/QĐ-BTC ngày 07/01/2023. Đơn giá này được ước tính là hợp lý nhất dựa trên các thông tin hiện có của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Công ty vẫn đang trong quá trình đàm phán và thống nhất với EVN về giá bán điện chính thức tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

(ii) Như trình bày tại Thuyết minh V.05; Ghi chú (i) và Ghi chú (15) của Thuyết minh V.06 của báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm liên quan đến khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với Công ty Cổ phần E Power 1 trị giá 107.234.483.975 đồng và khoản phải thu từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") có giá trị vốn góp và lãi từ vốn góp lần lượt là 3.417.494.000.000 đồng và 256.396.933.083 đồng giữa Công ty và các đối tác để thực hiện đầu tư phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty, các đối tác BCC và chủ đầu tư các dự án điện gió, điện mặt trời đang làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm hoàn tất các thủ tục pháp lý để tiếp tục phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời nêu trên. Do đó, khả năng thu hồi khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và các khoản BCC bao gồm vốn góp và lãi này tùy thuộc vào tính khả thi và khả năng phát triển của các dự án điện gió, điện mặt trời trong tương lai.

(iii) Như trình bày tại Ghi chú của Thuyết minh V.10 của báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, ngày 25/12/2023 Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông báo số 3116/TB-TTCP kết luận thanh tra về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong quản lý, thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh kèm theo phụ lục số 01 về thông báo kết luận thanh tra tại Tỉnh Long An, trong đó có đề cập đến các dự án điện mặt trời của hai Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương và Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

Chúng tôi lưu ý đến mục VIII.7 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, trong đó có đề cập đến việc số liệu so sánh (số liệu năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022) của một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital quyết định điều chỉnh do ảnh hưởng việc thay đổi chính sách kế toán về phân bổ chi phí kinh doanh bảo hiểm trực tiếp tại Công ty con - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA. Ý kiến của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề cần nhấn mạnh này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam
Phó Tổng Giám đốc

Lê Văn Tuấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0479-2023-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Vũ
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0699-2023-142-1

Mẫu số B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**19.478.597.669.890**	**17.783.998.782.736**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	V.01	**756.859.464.983**	**629.496.375.653**
1. Tiền	111		480.303.912.175	540.796.375.653
2. Các khoản tương đương tiền	112		276.555.552.808	88.700.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	V.04	**541.418.592.264**	**510.594.134.195**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		5.012.781.949	43.541.748.890
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		536.405.810.315	467.052.385.285
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**13.941.466.941.737**	**13.461.025.497.288**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	1.098.565.555.782	805.844.968.480
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	4.259.308.576.569	4.156.530.289.385
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	587.623.443.975	178.769.483.975
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	8.039.667.063.457	8.417.728.411.826
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.07	(43.788.575.674)	(97.936.214.038)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		90.877.628	88.557.651
IV. Hàng tồn kho	**140**	V.08	**3.775.256.086.691**	**2.754.762.193.315**
1. Hàng tồn kho	141		3.811.685.047.364	2.793.060.545.800
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(36.428.960.673)	(38.298.352.485)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**463.596.584.215**	**428.120.582.305**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	283.441.392.588	82.203.869.025
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		173.565.426.157	342.369.166.568
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	6.589.765.470	3.547.546.712

Mẫu số B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**22.530.737.452.373**	**26.058.698.158.301**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**8.128.982.721.257**	**11.036.158.545.330**
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03	-	56.400.000.000
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.05	10.698.022.927	50.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	8.118.284.698.330	10.929.758.545.330
II. Tài sản cố định	**220**		**9.604.768.756.873**	**8.112.831.678.532**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	9.173.465.133.196	7.706.358.008.785
- Nguyên giá	*222*		*10.935.307.193.271*	*8.899.057.038.021*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(1.761.842.060.075)*	*(1.192.699.029.236)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	23.690.883.955	11.043.524.438
- Nguyên giá	*225*		*31.617.115.020*	*17.888.753.803*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*226*		*(7.926.231.065)*	*(6.845.229.365)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	407.612.739.722	395.430.145.309
- Nguyên giá	*228*		*468.651.373.837*	*446.657.218.165*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(61.038.634.115)*	*(51.227.072.856)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	V.09	**1.609.462.496.210**	**2.617.616.475.893**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	41.300.000.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.609.462.496.210	2.576.316.475.893
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	V.04	**2.666.265.777.922**	**3.694.273.964.370**
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.264.659.695.553	3.452.319.693.819
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		387.879.156.293	126.119.156.293
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.259.783.513)	(1.144.885.742)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		16.986.709.589	116.980.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**521.257.700.111**	**597.817.494.176**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	172.450.221.088	210.679.868.799
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		150.092.226.045	140.781.838.981
5. Lợi thế thương mại	269		198.715.252.978	246.355.786.396
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**42.009.335.122.263**	**43.842.696.941.037**

Mẫu số B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**24.541.590.941.015**	**30.017.466.099.075**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**12.090.231.559.815**	**11.380.169.032.120**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	1.823.813.876.939	1.981.773.747.641
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	3.207.551.986.728	3.259.131.147.761
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	251.395.640.294	265.277.761.505
4. Phải trả người lao động	314		29.183.778.159	32.150.747.905
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	489.905.768.696	542.831.418.466
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		11.588.951.901	10.127.380.682
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	2.678.959.630.975	1.916.981.921.631
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	3.149.435.193.643	3.035.520.410.297
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	439.871.998.269	330.545.000.866
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.524.734.211	5.829.495.371
II. Nợ dài hạn	**330**		**12.451.359.381.200**	**18.637.297.066.955**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14	105.627.982.231	191.037.276.046
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		13.640.642	18.454.994
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	2.962.815.808.780	6.547.555.089.529
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	9.014.925.610.537	11.687.767.651.941
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		365.692.903.941	209.194.188.469
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19	2.283.435.069	1.724.405.975

Mẫu số B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**17.467.744.181.248**	**13.825.230.841.963**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.21	**17.467.744.181.248**	**13.825.230.841.963**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*5.334.676.220.000*	*5.334.676.220.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		866.926.422.000	866.926.422.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		210.705.510.000	21.404.860.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.908.796.261	3.908.796.261
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		464.287.634	464.287.634
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		430.511.107.232	447.770.834.746
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*251.162.936.302*	*17.252.315.827*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*179.348.170.931*	*430.518.519.270*
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.620.551.838.121	7.150.079.421.322
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**42.009.335.122.263**	**43.842.696.941.037**

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Phạm Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Mẫu số B 02 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.01	**4.112.374.748.419**	**4.595.934.767.679**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.01	100.215.858.113	64.741.593.534
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		**4.012.158.890.306**	**4.531.193.174.145**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	2.812.461.806.552	3.189.332.351.111
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**1.199.697.083.754**	**1.341.860.823.034**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.087.198.400.598	2.548.093.885.636
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2.396.172.246.990	2.401.761.378.741
+ Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*1.582.466.411.424*	*1.434.853.960.245*
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(35.203.331.204)	50.582.466
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	192.306.085.574	215.786.591.177
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	449.868.785.732	483.455.987.491
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**213.345.034.852**	**789.001.333.728**
12. Thu nhập khác	31	VI.07	69.983.442.479	44.714.922.024
13. Chi phí khác	32	VI.08	31.963.493.068	21.191.509.543
14. Lợi nhuận khác	**40**		**38.019.949.411**	**23.523.412.481**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**251.364.984.263**	**812.524.746.208**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	98.728.402.369	216.053.166.535
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(18.440.753.399)	29.674.775.486
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**171.077.335.293**	**566.796.804.187**
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		58.983.129.855	370.773.543.503
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		112.094.205.438	196.023.260.684
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	VI.11	**111**	**758**
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	VI.12	**111**	**758**

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Phạm Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

Mẫu số B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		**251.364.984.263**	**812.524.746.208**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		614.767.199.977	566.386.689.760
- Các khoản dự phòng	03		55.424.864.997	192.476.630.354
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		106.831.043.046	20.242.145.210
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(375.154.719.302)	(1.162.208.331.661)
- Chi phí lãi vay	06		1.603.169.098.685	1.451.109.984.220
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		**2.256.402.471.666**	**1.880.531.864.091**
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		3.048.703.276.222	(8.383.824.213.769)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		92.155.519.099	(330.748.471.038)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.666.983.883.769)	3.851.178.620.167
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(44.114.460.797)	4.006.504.251
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		35.428.966.941	819.670.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.660.071.613.553)	(1.161.735.291.273)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(139.283.446.996)	(242.739.909.108)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.475.697.000	6.850.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(15.251.677.339)	(44.977.435.138)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(90.539.151.526)**	**(3.608.631.481.817)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(132.426.497.608)	(3.452.957.149.419)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		25.596.924.251	83.490.601.635
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(449.020.765.144)	(2.132.363.638.280)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		552.329.649.170	2.395.193.588.340
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(519.998.921.364)	(6.518.373.547.253)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		947.476.334.528	5.647.734.264.366
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		221.378.683.332	(53.303.838.734)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**645.335.407.165**	**(4.030.579.719.345)**

Mẫu số B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.899.428.979.979	5.512.837.775.380
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(228.540.000)	
3. Tiền thu từ đi vay	33		5.046.094.985.650	9.431.682.871.882
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.312.097.710.940)	(7.351.320.245.270)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(8.460.041.673)	(4.530.894.648)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(52.441.903.673)	(364.018.932.212)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(427.704.230.657)**	**7.224.650.575.132**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**127.092.024.982**	**(414.560.626.030)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**629.496.375.653**	**1.044.039.648.431**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		271.064.348	17.353.251
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	VII	**756.859.464.983**	**629.496.375.653**

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Phạm Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL
M.S.D.N: 0311315789 - C.T.C.P
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mẫu số B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311315789 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/11/2011 và thay đổi lần thứ 27 ngày 07/10/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 5.334.676.220.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 5.334.676.220.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán "BCG".

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013). Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn sữa, các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, cà phê, cacao (trừ không thực hiện hoạt động phân phối hàng hóa mà tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013) (không hoạt động tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản (trừ: không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng), quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Cho thuê ô tô. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, mi mạ điện tại trụ sở). Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình công ích. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Hoàn thiện công trình xây dựng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Sản xuất đồ gỗ xây dựng. Khai thác quặng sắt. Khai thác quặng uranium và quặng thorium. Cung cấp các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và thực hiện các hoạt động đầu tư.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất: Không có.

6. Số lượng nhân viên:

Tại ngày 31/12/2023, Tập đoàn có 1.716 nhân viên. Tại ngày 31/12/2022, Tập đoàn có 1.762 nhân viên.

7. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2023, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital có 01 (một) văn phòng đại diện, 09 (chín) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 30 (ba mươi) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 02 (hai) Công ty liên kết sở hữu trực tiếp và 06 (sáu) Công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua Công ty con.

Tổng số các Công ty con:

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất:	39	Công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất:	0	Công ty
- Số lượng các Công ty liên kết hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:	8	Công ty

a. Danh sách văn phòng đại diện

Tên đơn vị	*Địa chỉ*
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital tại Tp. Hà Nội	Số 44 Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội.

b. Danh sách các Công ty con trực tiếp

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (*)	TP. Hồ Chí Minh.	Xây dựng công trình đường bộ	51,70%	43,90%	51,63%	51,63%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Tỉnh Bình Định	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	55,64%	53,29%	66,69%	65,17%
Công ty Cổ phần BCG Land	TP. Hồ Chí Minh.	Xây dựng nhà để ở	71,53%	66,24%	71,53%	66,97%
Công ty Cổ phần BCG Energy	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	50,66%	50,66%	82,18%	82,18%
Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Tỉnh Bình Định	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	80,00%	80,00%	80,00%	80,00%
Công ty Cổ phần BCG Financial	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)	80,00%	80,00%	80,00%	80,00%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	TP. Hồ Chí Minh.	Cung cấp các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và thực hiện các hoạt động đầu tư	80,64%	78,71%	80,64%	78,71%
Công ty TNHH MTV Helios Village	Tỉnh Đắk Nông	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Tỉnh Bình Định.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	100,00%	86,59%	100,00%	86,72%

(*) Theo các văn bản uỷ quyền biểu quyết trong năm 2023, các Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải đã ủy quyền toàn bộ 7,8% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital nắm giữ 51,7% quyền biểu quyết trong Công ty này.

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Tỉnh An Giang	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	51,00%	21,95%	51,00%	25,82%
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	TP. Hồ Chí Minh	Khai thác đá, xử lý và cung cấp nước	51,00%	22,39%	51,00%	26,33%
Công ty Cổ phần TCD Plus	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	80,00%	35,12%	80,00%	41,31%
Công ty Taxi Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	51,00%	22,39%		
Công ty TNHH Tracodi E&C	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình đường bộ	99,80%	43,81%		
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Tỉnh Phú Yên	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	95,00%	50,63%	95,00%	54,69%
Công ty Cổ phần Tapiotek	Tỉnh Tây Ninh	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	51,00%	27,18%	51,00%	29,36%
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Tỉnh Bình Định	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn	70,00%	46,37%	70,00%	46,88%
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo	65,00%	43,05%	65,00%	43,53%
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	65,00%	43,05%	65,00%	43,53%
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản	89,00%	58,95%	89,00%	59,60%
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bấp	Tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản	50,10%	33,18%		
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất điện	90,00%	45,59%	90,00%	73,96%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	Tỉnh Long An	Sản xuất đồ điện dân dụng	91,84%	46,52%	90,00%	73,96%
Công ty Cổ phần Skylar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	99,00%	50,15%	99,00%	81,36%
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch (**)	Tỉnh Bình Định	Sản xuất điện	51,00%	20,91%	51,00%	33,92%
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	TP. Hồ Chí Minh	Lắp đặt hệ thống xây dựng điện	99,80%	50,05%	74,90%	60,94%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện	100,00%	47,35%	100,00%	67,21%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Tỉnh Trà Vinh	Sản xuất điện	100,00%	50,61%	100,00%	82,10%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Tỉnh Trà Vinh	Sản xuất điện	100,00%	50,62%	100,00%	82,12%

c. Danh sách các Công ty con gián tiếp (Tiếp theo)

(**) Theo các văn bản uỷ quyền biểu quyết vô điều kiện và không huỷ ngang trong năm 2021, các Cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch đã ủy quyền toàn bộ 9,72% quyền biểu quyết cho Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital nắm giữ 51% quyền biểu quyết trong Công ty này.

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	99,00%	50,15%	99,00%	81,36%
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Tỉnh Cà Mau	Sản xuất điện			51,00%	41,49%
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Tỉnh Cà Mau	Sản xuất điện			99,98%	41,48%
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long.	Sản xuất điện	50,50%	25,58%	50,50%	41,50%
Công ty Cổ phần Casper Solar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện			99,00%	80,54%
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	99,00%	49,65%	99,00%	80,54%
Công ty Cổ phần Herb Solar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	69,00%	34,60%	69,00%	56,14%
Công ty Cổ phần Orchid Solar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	69,00%	34,60%	69,00%	56,14%
Công ty Cổ phần Violet Solar	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	69,00%	34,60%	69,00%	56,14%
Công ty Cổ phần BCG GAIA	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động tư vấn quản lý	50,97%	25,45%	50,82%	41,77%
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	Tỉnh An Giang	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê			85,71%	67,47%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương	Tỉnh Long An	Sản xuất điện	100,00%	25,55%	100,00%	41,86%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Tỉnh Long An	Sản xuất điện	100,00%	25,55%	100,00%	41,86%
Công ty Cổ phần E power 1	TP. Hồ Chí Minh.	Tư vấn, quản lý			99,80%	82,01%
Công ty TNHH Cơ điện Skylar5	TP. Hồ Chí Minh.	Xây dựng công trình điện			100,00%	81,36%
Công ty CP Phát triển Điện Gia Huy	Hà Nội	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	99,80%	50,05%		

d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Tỉnh Long An	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	38,00%	38,00%	48,00%	48,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	21,01%	21,01%	21,01%	21,01%

e. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con

Tên đơn vị	Nơi đăng ký hoạt động	Ngành nghề kinh doanh chính	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
			Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Taxi Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)			30,00%	15,49%
Công ty TNHH Skylight Power	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	50,00%	25,33%	50,00%	41,09%
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Tỉnh Lạng Sơn	Khai thác quặng sắt			43,85%	25,58%
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	TP. Đà Nẵng	Xây dựng nhà để ở			20,00%	10,33%
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	49,00%	24,82%	49,00%	40,27%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	49,00%	32,46%	49,00%	32,81%
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	50,00%	25,08%	50,00%	40,68%
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản			48,10%	32,21%
Công ty Cổ phần Bằng Dương E&C	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác			49,00%	25,30%
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Sơn Long	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	40,63%	17,83%	40,63%	20,98%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động tư vấn quản lý			20,00%	10,33%
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	Tỉnh An Giang	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	36,71%	28,90%		

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác…

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

d. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty/Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toàn được ghi nhận vào chi phí tài chính.

e. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

• Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

• Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty/Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu hoạt động xây lắp, bán hàng hóa, dịch vụ

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ và các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn có thể phát sinh khi một tổ chức kinh tế bị phá sản hoặc giải thể; hoặc chủ nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị truy tố, ở tù, đang chờ thi hành án hoặc đã chết.

Tỷ lệ dự phòng phải thu khó đòi theo tình trạng quá hạn như sau:

Tình trạng quá hạn	*Tỷ lệ dự phòng*
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản phải thu trong hạn được quyết định bởi Ban Quản trị Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;

- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao ước tính
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Máy móc thiết bị	03 - 20
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Phần mềm máy tính	03 - 05
- Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;

- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;

- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;

- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo các quy định và hướng dẫn của Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/05/2017 ("Thông tư 50") do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thi hành Nghị định 73 do Chính phủ Việt Nam ban hành hướng dẫn thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư số 01/2019/TT-BTC ngày 02/01/2019 ("Thông tư 01") do Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 50, và Công văn số 15193/BTC-QLBH ngày 06/12/2018 ("Công văn 15193") do Bộ Tài chính phê duyệt phương pháp dự phòng nghiệp vụ của Công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Doanh thu phí bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực (khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm) cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc hoặc khi nhận được xác nhận thanh toán tái bảo hiểm từ các công ty nhượng tái bảo hiểm cho hoạt động nhận tái bảo hiểm. Khoản doanh thu này bao gồm phí bảo hiểm phải thu đến hạn và không bao gồm doanh thu phí bảo hiểm nhận được trước ngày đến hạn và phí bảo hiểm phải thu bị quá hạn trên 30 ngày.

Trong trường hợp rủi ro đã được hủy bỏ và hoàn trả phí bảo hiểm là cần thiết, doanh thu phí bảo hiểm đã ghi nhận được điều chỉnh bằng cách trừ số tiền hoàn phí bảo hiểm phát sinh một cách phù hợp.

f. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật.

15. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư …

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

17. Chi phí bồi thường bảo hiểm

Chi phí bồi thường và chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi các sự kiện được bảo hiểm xảy ra. Chi phí bồi thường, chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong năm tài chính dựa trên số tiền bồi thường ước tính cuối cùng và các chi phí giám định tổn thất có liên quan.

Những thay đổi trong các ước tính chi phí bồi thường (chi phí giám định tổn thất và bồi thường) được thường xuyên rà soát lại, và chênh lệch giữa các ước tính bồi thường phải trả với số tiền thực phải thanh toán bồi thường bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi mà các ước tính đó bị thay đổi hay các khoản thanh toán đó được thực hiện.

Các khoản thu đòi bồi thường, như thanh lý tài sản tổn thất đã xử lý bồi thường hoặc thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, được đánh giá theo giá trị thực tế có thể thực hiện được và được ghi nhận là các khoản giảm trừ cho chi phí bồi thường bảo hiểm trong năm.

18. Chi phí khai thác bảo hiểm

Toàn bộ các chi phí khai thác bảo hiểm trừ chi phí hoa hồng từ việc phát hành mới hoặc tái tục hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

23. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

24. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua một lần mua

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con và phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua phải được loại trừ hoàn toàn, theo nguyên tắc:

- Công ty mẹ phải ghi nhận tài sản, nợ phải trả của công ty con theo giá trị hợp lý tại ngày mua;

- Công ty mẹ phải ghi nhận riêng lẽ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua;

- Công ty mẹ ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý cao hơn giá trị ghi sổ; Ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý nhỏ hơn giá trị ghi sổ.

Khoản lợi thế thương mại hoặc khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ trong quá trình mua công ty con (nếu có) được ghi nhận đồng thời khi loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con.

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát". Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con. Thu nhập của cổ đông không kiểm soát trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được phản ánh trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát - Mã số 62".

Ngoài những điều trên, lợi ích cổ đông không kiểm soát còn bị ảnh hưởng bởi các giao dịch nội bộ khác.

c. Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty Con

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu (không ghi nhận như lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ). Trong trường hợp này, công ty mẹ không thực hiện việc ghi nhận tài sản thuần của công ty con theo giá trị hợp lý như tại thời điểm kiểm soát công ty con.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, trước khi thực hiện việc loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ và công ty con, kế toán phải thực hiện một số điều chỉnh đối với giá phí khoản đầu tư của công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

d. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

- Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

- Các khoản vay trong nội bộ

Nếu các đơn vị trong một tập đoàn có quan hệ vay mượn lẫn nhau thì số dư tiền vay trong nội bộ tập đoàn đang phản ánh trong các khoản mục "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn", "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn", khoản mục "Phải thu về cho vay ngắn hạn", "Phải thu về cho vay dài hạn khác" phải được loại trừ toàn bộ. Theo đó, các khoản thu nhập từ cho vay và chi phí đi vay cũng phải loại trừ toàn bộ trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Điều chỉnh các khoản mục nội bộ khác

Số dư các khoản mục phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn, như phải thu, phải trả, doanh thu chưa thực hiện, chi phí trả trước…phải được loại trừ hoàn toàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản doanh thu, thu nhập, giá vốn, chi phí phát sinh từ các giao dịch khác trong nội bộ tập đoàn, như các khoản doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, doanh thu cho thuê, cung cấp dịch vụ... trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn.

e. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ phân bổ luỹ kế. Giá gốc lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Tiền mặt	9.319.500.774	9.207.597.196
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	470.770.664.820	531.429.243.437
- Tiền đang chuyển	213.746.581	159.535.020
- Các khoản tương đương tiền	276.555.552.808	88.700.000.000
Cộng	**756.859.464.983**	**629.496.375.653**

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	***1.098.565.555.782***	***805.844.968.489***
- Công ty Mua Bán Điện (1)	295.338.153.305	139.630.721.557
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dịch vụ Thương mại Phương Nam (2)	118.883.891.478	
- Thu phí bảo hiểm	76.758.734.860	24.476.156.304
- Các khách hàng khác	607.584.776.139	641.738.090.628
b. Dài hạn	-	

Ghi chú:

(1) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn đã thế chấp quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa các Tập đoàn và Công ty Mua bán điện cho các khoản vay từ ngân hàng (xem thuyết minh V.20).

Bao gồm trong số dư khoản phải thu khách hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn, có khoản phải thu ngắn hạn giữa Công ty Mua Bán Điện với Công ty con - Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch, Công ty Cổ phần Hanwha - BCG Băng Dương và Công ty Cổ phần BCG - Băng Dương với tổng số tiền là 278.009.841.496 Đồng, chi tiết như sau:

- Giá bán điện chính thức đối với phần công suất 83,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 Giai đoạn 2 và 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 3 Giai đoạn 2 vẫn đang trong quá trình đàm phán với EVN. Trong thời gian chờ các cấp có thẩm quyền ban hành khung pháp lý, hướng dẫn chi tiết cách thức tính giá điện, ngày 16 tháng 5 năm 2023, được sự chấp thuận của Bộ Công thương, Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch ("Công ty con" của Tập đoàn) và EVN/EPTC đã ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung phụ lục số 03 của Hợp đồng mua bán điện nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 1 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03 Hợp đồng mua bán điện nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 3 với giá tạm tính là 50% giá trần được quy định tại Quyết định số 21/QĐ-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2023. Tiếp theo đó, trong khoảng thời gian nửa cuối năm 2023, Tập đoàn đã chỉ đạo Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch có các Văn bản đề nghị EVN/EPTC tiếp tục tiến hành đàm phán giá điện chính thức và chủ động tính toán, đề xuất giá điện đàm phán với EVN/EPTC dựa theo nguyên tắc của Thông tư số 15/2022/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2022 quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp và Thông tư số 57/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện. Tại ngày 08 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch đã gửi công văn cho EVN về việc đàm phán giá điện chính thức theo đơn giá ước tính này. Qua các phiên làm việc, đàm phán ban đầu, hai Bên đã thống nhất về trình tự, cách thức triển khai và đang trong quá trình xem xét Tổng mức đầu tư (là đầu vào quan trọng nhất của việc tính toán), Ban điều hành Tập đoàn và Công ty con tin rằng khả năng Công ty có thể đàm phán thành công mức giá bán điện cao hơn mức giá trần nói trên cho sản lượng đã hòa vào lưới điện quốc gia. Ban điều hành đánh giá rằng việc đàm phán giá điện này dự kiến sẽ hoàn tất trong quý I năm 2024.

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

Giá bán điện đàm phán tính toán được hiện đang cao hơn so với giá trần được quy định tại Quyết định số 21/QĐ-BTC ngày 7 tháng 1 năm 2023 ban hành khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp. Tuy nhiên, theo nguyên tắc thận trọng, Tập đoàn đã ghi nhận doanh thu và khoản phải thu EVN cho phần sản lượng điện được sản xuất tương ứng với công suất 83,10 MWp và 31,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 và Phù Mỹ 3 Giai đoạn 2 trong năm 2023 với giá bán điện bằng với giá trần được quy định tại Quyết định 21/QĐ-BTC ngày 7 tháng 1 năm 2023 và Tập đoàn xem đây là ước tính hợp lý nhất dựa trên các thông tin hiện có tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

- Theo Thông báo của Thanh tra Chính phủ số 3116/TB - TTCP ngày 25 tháng 12 năm 2023, Dự án Nhà máy Điện mặt trời GAIA do Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương (công ty con gián tiếp của Tập đoàn) là chủ đầu tư và Nhà máy Điện mặt trời BCG – Băng Dương do Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương (công ty con gián tiếp của Tập đoàn) là chủ đầu tư đã được vận hành thương mại khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo hoặc Sở Công Thương) kiểm tra công tác nghiệm thu và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư. Ban điều hành Tập đoàn và Công ty con có các đánh giá chi tiết như sau:

Dự án được hoàn thành và vận hành thương mại cuối năm 2020. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID, đặc biệt nghiêm trọng trong năm 2021, dẫn đến khó khăn, chậm trễ trong việc tập hợp, hoàn thiện các hồ sơ dự án theo quy định. Theo đó, đến cuối năm 2021, các dự án mới đủ điều kiện về hồ sơ để mời Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu.

* Dự án Nhà máy Điện mặt trời GAIA

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, chủ đầu tư có văn bản số 45/2021/CV-HANWHA.BCG kèm hồ sơ dự án gửi Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo mời kiểm tra công tác nghiệm thu công trình Nhà máy Điện mặt trời GAIA. Trên cơ sở Biên bản làm việc, Biên bản vi phạm hành chính liên quan đến dự án của đoàn kiểm tra ngày 05/4/2022 và Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 17/QĐ-XPHC ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Thanh tra Sở Xây dựng Tỉnh Long An, chủ đầu tư đã hoàn tất các nghĩa vụ nộp phạt hành chính trong năm 2022 và tiến hành bổ sung các hồ sơ theo quy định. Đồng thời chủ đầu tư đã gửi báo cáo cho Cục Điện lực và Năng lượng về kết quả thực hiện tại Văn bản số 19/2022/CV-WBCG ngày 18 tháng 7 năm 2022.

Tuy nhiên, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của nhà máy điện mặt trời GAIA chưa được phê duyệt (Thuyết minh V.10), cho nên Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo chưa thể chấp thuận công tác nghiệm thu, mặc dù về khía cạnh chủ đầu tư, Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp lý theo quy định, bao gồm các thủ tục xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo hướng dẫn của các Sở, ngành địa phương. Ban điều hành Tập đoàn và Công ty con tin tưởng rằng thẩm quyền phê duyệt mục đích chuyển đổi sử dụng đất sẽ được làm rõ trong tương lai gần. Dựa trên các thông tin hiện có tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ban điều hành đánh giá vấn đề được nêu bởi Thanh tra Chính phủ không ảnh hưởng đến hợp đồng mua bán điện Tập đoàn đã ký kết với EVN.

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

* Dự án Nhà máy Điện mặt trời BCG - Bằng Dương

Ban điều hành của Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bằng Dương đã hoàn thành các công tác nghiệm thu và các nghĩa vụ pháp lý theo quy định cho dự án. Theo đó, ngày 23 tháng 3 năm 2022, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo đã có Thông báo số 20/TB-ĐL chấp thuận công tác nghiệm thu dự án. Theo đó, Ban điều hành đánh giá rằng các vấn đề nêu bởi Thanh tra Chính phủ đã được khắc phục. Dựa trên các thông tin trên, Ban điều hành tin rằng Tập đoàn đã hoàn tất các thủ tục cần thiết để được giao đất phát triển dự án, ngoài ra Tập đoàn cũng đã ký kết hợp đồng mua bán điện với EVN phù hợp với các yêu cầu của pháp luật Việt Nam.

Do đó, Tập đoàn đã ghi nhận doanh thu và khoản phải thu EVN cho phần sản lượng điện được sản xuất trong năm 2023 với giá bán điện ưu đãi theo hợp đồng đã ký kết trước đó với EVN.

(2) Khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh mua bán hàng hóa vật tư xây lắp.

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	***4.259.308.576.569***	***4.156.530.289.385***
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Orchid	-	98.375.000.000
- Công ty Powerchina International Group Limited (1)	142.937.642.745	142.937.642.745
- Công ty TNHH TM-DV-MTV Huỳnh Phát Huy (2)	670.937.900.000	788.937.900.000
- Công ty Cổ phần Plus Investment (3)	364.373.000.000	363.791.307.230
- Công ty Cổ phần Thương Mại Vũ Tuấn	-	116.151.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Dịch Vụ VHM (3)	289.045.350.000	426.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư NNT (3)	187.365.329.600	588.039.990.000
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co.,Ltd	-	188.659.183.656
- Các đối tượng khác	2.604.649.354.224	1.443.638.265.754
b. Dài hạn	-	***56.400.000.000***
- Các khách hàng khác	-	56.400.000.000

Ghi chú:

(1) Khoản trả trước cho nhà thầu thi công gói thầu EPC thuộc dự án nhà máy điện gió Đông thành 1.

(2) Khoản trả trước cho nhà cung cấp để mua vật tư, trang thiết bị, thi công dự án nhà máy điện gió Đông thành 1, 2.

(3) Khoản trả trước liên quan hoạt động mua vật tư, thiết bị, chi phí nhà thầu cho hoạt động xây lắp.

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

		Số cuối năm			*Số đầu năm*		
		Giá gốc	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá trị gốc*	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*
a. Chứng khoán kinh doanh							
- Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy	(1)	-	-	-	34.930.000.000	34.930.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị VINAHUD	(2)	4.560.000.000	5.928.000.000	-	4.560.000.000	7.797.600.000	-
- Công ty Cổ phần Phú Tam Khôi	(3)	-	-	-	3.100.000.000	3.100.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	(2)	451.655.840	1.282.270.700	-	451.655.840	1.014.990.000	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	(2)	1.126.109	1.560.000	-	445.939.200	594.000.000	-
- Đầu tư khác		-	-	-	54.153.850	73.039.360	-
Cộng		**5.012.781.949**		**-**	**43.541.748.890**		**-**

Ghi chú:

(1) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần Skylar ("Skylar") đã chuyển đổi mục đích đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy ("Gia Huy"). Công ty Skylar quyết định không tiếp tục tìm đối tác chuyển nhượng theo như kế hoạch ban đầu mà thay vào đó sẽ đổi mục đích đầu tư từ đầu tư chứng khoán kinh doanh sang đầu tư dài hạn. Theo đó, Công ty Gia Huy trở thành Công ty con của Công ty Skylar, chuyển mối quan hệ thành Công ty con gián tiếp với Công ty.

(2) Giá trị hợp lý được trình bày căn cứ theo số lượng cổ phiếu và giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán HNX, HOSE, UpCom tại thời điểm 31/12/2023 và ngày 31/12/2022 nhằm mục đích tham khảo.

(3) Khoản đầu tư tại Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải. Tại ngày 31/12/2022, Công ty con chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ. Tại ngày 31/12/2023, Công ty con đã thay đổi mục đích đầu tư vào Công ty Cổ phần Phú Tam Khôi từ Chứng khoán kinh doanh sang Đầu tư vào đơn vị khác.

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

		Số cuối năm		*Số đầu năm*	
		Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
b.1 Ngắn hạn		**536.405.810.315**	**536.405.810.315**	**467.052.385.285**	**467.052.385.285**
- Tiền gửi có kỳ hạn	(4)	436.405.810.315	436.405.810.315	467.052.385.285	467.052.385.285
- Trái phiếu Doanh nghiệp	(5)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
b.2 Dài hạn		**16.986.709.589**	**16.986.709.589**	**116.980.000.000**	**116.980.000.000**
- Trái phiếu Doanh nghiệp	(5)	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng	(6)	10.880.000.000	10.880.000.000	10.880.000.000	10.880.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	(7)	6.106.709.589	6.106.709.589	6.100.000.000	6.100.000.000
Cộng		**553.392.519.904**	**553.392.519.904**	**584.032.385.285**	**584.032.385.285**

Ghi chú:

(4) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng của Tập đoàn. Trong đó bao gồm:

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 307 tỷ đồng đã được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của các bên liên quan và các bên thứ ba.

- Một phần của khoản tiền gửi còn lại đang được cầm cố cho nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng; và bảo đảm cho nghĩa vụ thực hiện hợp đồng với bên thứ ba.

(5) Khoản đầu tư mua Trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios của Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải. Kỳ hạn trái phiếu là 05 năm. Lãi suất năm đầu tiên 8,5%/ năm, các kỳ tính lãi tiếp theo bằng lãi suất tiền gửi cá nhân 12 tháng cộng với biên độ 3%/ năm. Ngoài ra, khoản trái phiếu này cũng được Công ty con dùng để đảm bảo cho khoản vay của bên thứ ba.

(6) Trong đó bao gồm:

- Khoản đầu tư 10.500.000.000 đồng của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land vào trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, kỳ hạn 8 năm với lãi suất được tính bằng lãi suất tham chiếu +0,9%/năm và được trả lãi định kỳ hàng năm.

- Khoản đầu tư 380.000.000 đồng của Công ty con - Công ty Cổ phần Tapiotek vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam (BIDV), kỳ hạn 10 năm.

(7) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng của Tập đoàn tại các Ngân hàng. Một phần của khoản tiền gửi này đang được cầm cố cho nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng.

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		Số cuối năm			*Số đầu năm*		
		Giá gốc	*Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu*	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu*	*Dự phòng*
c.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		**2.433.510.547.548**	**2.264.659.695.553**	-	**3.540.579.811.914**	**3.452.319.693.819**	-
- Công ty TNHH B.O.T ĐT830	(8)	81.700.000.000	19.686.360.175	-	103.200.000.000	15.699.822.600	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang		1.017.663.263.769	944.022.116.347	-	1.017.663.263.769	981.947.585.700	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sơn Long	(9)	970.355.000.000	970.303.462.748	-	970.355.000.000	970.323.379.930	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	(10)	-	-	-	545.000.000.000	547.297.615.314	-
- Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bấp	(11)	-	-	-	494.178.082.192	505.267.752.672	-
- Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	(12)	256.012.000.000	247.889.449.419	-	208.562.000.000	230.424.776.393	-
- Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà	(13)	-	-	-	61.790.000.000	61.790.000.000	-
- Công ty Taxi Việt Nam	(14)	-	-	-	34.256.228.875	31.492.095.018	-
- Công ty TNHH Skylight Power		24.952.712.350	23.895.048.398	-	24.952.712.350	22.794.509.743	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco		29.194.000.000	37.131.849.181	-	29.194.000.000	30.978.509.752	-
- Công ty Cổ phần Băng Dương E&C	(15)	-	-	-	28.823.524.728	23.517.050.458	-
- Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	(16)	-	-	-	20.400.000.000	20.736.595.335	-
- Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M		2.205.000.000	6.731.409.284	-	2.205.000.000	10.050.000.905	-
- Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang ("ARESCO")	(17)	51.428.571.429	15.000.000.000	-	-	-	-

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

		Số cuối năm			*Số đầu năm*		
		Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*
c.2 Đầu tư vào đơn vị khác		**387.879.156.293**	**(3.259.783.513)**		**126.119.156.293**	**(1.144.885.742)**	
- Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1		59.400.000.000	-	(*)	59.400.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Bamboo Financial Corp		30.000.000.000	(800.997.289)	(*)	30.000.000.000	(1.144.885.742)	(*)
- Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong		21.600.000.000	-	(*)	21.600.000.000	-	(*)
- Công ty TNHH Pegas	(18)	-	-		14.000.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Tracodi Power	(19)	-	-		590.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Năng lượng Việt Nam		360.000.000	-	(*)	360.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn lực & Dịch vụ Dầu khí		99.945.360	-	(*)	99.945.360	-	(*)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam		69.210.933	-	(*)	69.210.933	-	(*)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	(10)	145.000.000.000	-	(*)	-	-	
- Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting (Tên cũ Công ty Cổ phần Indoba Trading)	(20)	128.250.000.000	-	(*)	-	-	
- Công ty Cổ phần Phú Tam Khôi	(3)	3.100.000.000	(2.458.786.224)	(*)	-	-	
Cộng		**2.821.389.703.841**	**(3.259.783.513)**		**3.666.698.968.207**	**(1.144.885.742)**	

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(*) Tại ngày 31/12/2023 và ngày 31/12/2022, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(8) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 69/2023/NQ-HĐQT-BCG ngày 19/09/2023, Công ty đã thoái một phần giá trị đầu tư khỏi Công ty TNHH B.O.T ĐT 830.

(9) Toàn bộ khoản vốn góp này được Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải dùng để đảm bảo cho các nghĩa vụ thanh toán liên quan đến Mã trái phiếu TCDH2227002 do Công ty con phát hành.

(10) Thực hiện Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 24/03/2023, Nghị quyết số 41/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 06/06/2023, và Nghị quyết số 66/2023/NQ-HĐQT-TCD ngày 22/09/2023 của Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải, Công ty con đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios ("Helios").

Số dư tại ngày 31/12/2023 thể hiện khoản đầu tư chiếm 7,25% vào cổ phần tại Công ty Helios của Công ty con - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA. Theo đó, chuyển mối quan hệ với Công ty Helios từ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết thành Đầu tư vào đơn vị khác.

(11) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land đã nhận chuyển nhượng 2% vốn góp tại Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp ("Cồn Bắp"), nâng tổng tỷ lệ sở hữu tại Cồn Bắp thành 50,1% trên vốn điều lệ. Theo đó, chuyển mối quan hệ với Cồn Bắp từ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết thành Đầu tư vào công ty con gián tiếp.

(12) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần Skylar đã thực hiện mua thêm 4.745.000 cổ phần, tương đương 47.450.000.000 VND, không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu, tương ứng 50% trên tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky.

(13) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng Sản Bắc Hà.

(14) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải đã nhận chuyển nhượng 21% vốn góp tại Công ty Taxi Việt Nam ("Vinataxi"), nâng tổng tỷ lệ sở hữu thành 51% trên vốn điều lệ. Theo đó, chuyển mối quan hệ với Vinataxi từ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết thành Đầu tư vào công ty con gián tiếp.

(15) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Băng Dương E&C.

(16) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam.

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(17) Trong năm, Công ty con - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA đã thoái một phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang ("Aresco"), hiện tại Công ty con chỉ còn nắm giữ 36,74% cổ phần của Aresco. Theo đó, chuyển mối quan hệ từ Đầu tư vào Công ty con gián tiếp thành Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

(18) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Pegas.

(19) Trong năm, Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Tracodi Power.

(20) Thực hiện Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐQT-BCGL ngày 9 tháng 3 năm 2023, Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land đã thông qua việc mua cổ phần phát hành trong đợt tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting với tổng giá trị 128.250.000.000 VND, tương ứng với 12.825.000 cổ phần và chiếm 15% tổng vốn điều lệ.

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

		Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn		***587.623.443.975***	***178.769.483.975***
- Nguyễn Thị Hoàng Yến	(1)	53.550.000.000	51.000.000.000
- Công ty Cổ phần Green Solution		-	48.855.000.000
- Công ty Cổ phần Mega Solar		-	35.678.000.000
- Công ty TNHH TMTH Phước Tiến	(2)	240.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần E Power 1	(3)	107.234.483.975	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dịch vụ Thương mại Phương Nam	(4)	76.800.000.000	-
- Công ty TNHH Lộc Tú	(5)	70.150.000.000	-
- Các khoản cho vay khác		39.888.960.000	43.236.483.975
b. Dài hạn		***10.698.022.927***	***50.000.000.000***
- Các khoản cho vay khác		10.698.022.927	50.000.000.000
Cộng		**598.321.466.902**	**228.769.483.975**

Ghi chú:

(1) Khoản cho vay với Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 7,3%.

(2) Khoản cho vay với Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Phước Tiến ("Phước Tiến") có kỳ hạn 12 tháng và hưởng lãi suất từ 11%/năm đến 13,5%/năm. Khoản cho vay này được bảo đảm bằng một phần tài sản của bên thứ ba khác hiện có tại công ty con của Công ty tương ứng với giá trị khoản nợ để thực hiện nghĩa vụ cho Phước Tiến.

(3) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là khoản Công ty con - Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương cho Công ty Cổ phần E Power 1 vay với số tiền là 107.234.483.975 đồng. Mục đích của khoản cho vay này là để Công ty Cổ phần E Power 1 phục vụ hoạt động kinh doanh của chính Công ty và cho các Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond, Công ty Cổ phần Green Solution, Công ty Cổ phần Mega Solar vay lại để đầu tư vào các dự án điện gió, điện mặt trời. Để các dự án có thể được phê duyệt chủ trương đầu tư thì các dự án này phải được đưa vào quy hoạch điện VIII. Theo đó, các chủ đầu tư và các bên tham gia vào BCC đã hoàn tất hồ sơ để được Ủy ban Nhân dân các tỉnh đề xuất vào quy hoạch điện VIII. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các dự án điện gió, điện mặt trời của các Công ty này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh đề xuất vào Kế hoạch triển khai Quy hoạch Điện VIII trong văn bản gửi cho Bộ Công Thương. Hiện tại, việc phê duyệt các dự án điện gió, điện mặt trời vào quy hoạch điện VIII đang chờ Bộ Công Thương phê duyệt cuối cùng. Tiếp theo đó, Tập đoàn sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan để có chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cũng như hoàn tất các thủ tục pháp lý khác để có thể tiếp tục phát triển các dự án này.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban điều hành Tập đoàn và Công ty con đánh giá tính khả thi và khả năng phát triển của các Dự án điện gió, điện mặt trời trong tương lai là cao. Vì vậy, Ban điều hành tin rằng có thể thu hồi được toàn bộ các khoản phải thu về cho vay này.

(4) Khoản cho vay với Công ty Cổ phần Xây dựng Dịch vụ Thương mại Phương Nam có kỳ hạn 12 tháng và hưởng lãi suất 14%/năm. Khoản cho vay này được bảo đảm bằng các sản phẩm tài chính niêm yết trên sàn chứng khoán.

(5) Khoản cho vay không có tài sản bảo đảm với Công ty TNHH Lộc Tú có kỳ hạn 12 tháng và hưởng lãi suất từ 13,5%/năm đến 14%/năm. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, khoản cho vay đang được tất toán.

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
a. Ngắn hạn	***8.039.667.063.457***	***(4.666.774.671)***	***8.417.728.411.826***	***(9.695.951.421)***
- Phải thu BHXH, BHYT	43.954.740	-	219.888.480	-
- Tạm ứng	60.568.633.833	-	844.277.412.911	(104.717.650)
- Ký cược, ký quỹ	205.365.956.446	-	20.987.791.425	(1.800.000.000)
- Lãi phải thu từ hợp tác kinh doanh, lãi trái phiếu, lãi cho vay	814.153.975.410	-	662.110.717.861	-
- Phải thu gốc hợp đồng hợp tác kinh doanh	6.472.978.612.610	-	6.541.809.758.945	-
+ Công ty Cổ phần (1); (i) Artemis Investment	913.233.000.000	-	1.479.933.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy	-	-	875.062.054.793	-
+ Công ty CP Năng (2); (i) Lượng Dương Phong	1.094.942.000.000	-	650.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (3) Thắng Phương	281.640.000.000	-	477.640.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (4); (i) Mega Solar	786.120.000.000	-	450.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (5); (i) Plus Investment	90.000.000.000	-	270.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (6) Tập Đoàn VNGROUP	160.000.000.000	-	360.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (7); (i) Đầu tư Tân Thạnh Diamond	290.600.000.000	-	291.127.747.913	-
+ Công ty Cổ phần (8); (i) Đầu tư Dịch vụ Orchid	242.000.000.000	-	242.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (9); (i) Hibiscus	65.556.000.000	-	130.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần (10) Điện Gió BCG Khai Long 1	2.111.495.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần (11) HCM Lott 68	177.529.250.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần (i) Điện gió BCG Khai Long 2	128.676.000.000	-	-	-
+ Các đối tượng khác	131.187.362.610	-	1.316.046.956.239	-
- Phải thu khác	486.555.930.418	(4.666.774.671)	348.322.842.204	(7.791.233.771)

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

		Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
b. Dài hạn		***8.118.284.698.330***	-	***10.929.758.545.330***	-
- Tạm ứng		-	-	400.000.000.000	-
- Phải thu nợ gốc BCC		8.047.775.327.982	-	10.302.072.656.101	-
+ Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1		-	-	2.500.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Orchid	(12)	1.278.436.000.000	-	1.278.436.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Plus Investment	(13)	987.576.327.982	-	948.576.327.982	-
+ Công ty Cổ phần White Magnolia	(12)	830.000.000.000	-	830.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thuỷ	(14)	606.450.000.000	-	679.030.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát	(15); (i)	479.100.000.000	-	497.500.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Plus Investment	(12)	441.564.000.000	-	441.564.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Hibiscus	(16)	281.000.000.000	-	406.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Artemis Investment	(17)	200.000.000.000	-	400.000.000.000	-
+ Công ty CP Biệt thự Nghỉ dưỡng Mỹ Khê	(18)	475.390.000.000	-	389.350.000.000	-
+ Công ty Cổ phần HCM Lott 68	(11)	-	-	327.016.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Tuân	(19)	225.935.000.000	-	300.000.000.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa	(20)	259.780.000.000	-	259.780.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	(21)	160.000.000.000		120.000.000.000	
+ Công Ty Cổ Phần Phát Triển Lion City	(22)	147.980.000.000	-	112.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Thắng Phương	(23)	196.000.000.000	-	-	-
+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu	(24)	567.430.000.000	-	-	-
+ Ông Lê Mai Long	(25)	625.000.000.000	-	-	-
+ Các đối tượng khác		286.134.000.000	-	812.820.328.119	-
- Phải thu khác		20.202.457.650		191.005.575.484	
- Ký cược, ký quỹ		50.306.912.698	-	36.680.313.745	-
Cộng		**16.157.951.761.787**	**(4.666.774.671)**	**19.347.486.957.156**	**(9.695.951.421)**

Ghi chú:

(i) Bao gồm trong số dư khoản phải thu BCC tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các dự án điện gió, điện mặt trời này ("Dự án") có tổng giá trị BCC là 3.417.494.000.000 đồng trong đó 2.938.394.000.000 đồng là BCC ngắn hạn và 479.100.000.000 đồng là BCC dài hạn (Ghi chú 15) đang trong giai đoạn xin chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi tiến hành xây dựng. Để các dự án có thể được phê duyệt chủ trương đầu tư thì các dự án này phải được đưa vào quy hoạch điện VIII. Theo đó, các chủ đầu tư và các bên tham gia vào BCC đã hoàn tất hồ sơ để được Ủy ban Nhân dân các tỉnh đề xuất vào quy hoạch điện VIII. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các dự án điện gió, điện mặt trời này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh đề xuất vào Kế hoạch triển khai Quy hoạch Điện VIII trong văn bản gửi cho Bộ Công Thương. Hiện tại, việc phê duyệt các dự án điện gió, điện mặt trời vào quy hoạch điện VIII đang chờ Bộ Công Thương phê duyệt cuối cùng. Tiếp theo đó, các Công ty sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan để có chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cũng như hoàn tất các thủ tục pháp lý khác để có thể tiếp tục phát triển các dự án này.

(1) Khoản phải thu theo các Hợp đồng sau:

- Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0712/HTKD/TCD-ARTEMIS ngày 07/12/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải và Công ty Cổ phần Artemis Investment, thời gian hợp tác đến hết ngày 06/12/2024, để cùng hợp tác đầu tư vào các sản phẩm tài chính. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1312/2021/HTKD-DT1-Artemis ngày 13/12/2021 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần Artemis Investment, thời gian hợp tác đến ngày 12/12/2024, nhằm đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT3 tại tỉnh Long An. Các bên sẽ phân chia lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 150201/2022/HTKD/Dt2-Artemis ngày 15/02/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 và Công ty Cổ phần Artemis Investment, thời gian hợp tác đến ngày 15/02/2024, nhằm đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT3 tại tỉnh Long An. Các bên sẽ phân chia lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn sau khi dự án đi vào hoạt động.

(2) Khoản phải thu theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2204/2022/HTKD/WINDST-DPE ngày 22/04/2022, thời gian hợp tác đến ngày 22/04/2024 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Wind Sóc Trăng và Công ty Cổ phần Năng Lượng Dương Phong nhằm hợp tác đầu tư Dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2204/2022/HTKD/DT2-DP ngày 22/04/2022, thời gian hợp tác đến ngày 22/04/2024 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 và Công ty Cổ phần Năng Lượng Dương Phong nhằm hợp tác đầu tư Dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 31/10/2023, thời gian hợp tác 01 năm, giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa và Công ty Cổ phần Năng Lượng Dương Phong nhằm hợp tác đầu tư Dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng.

(3) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1504/2022/HTKD/TCD-TP ngày 15/04/2022, thời gian hợp tác đến hết ngày 14/04/2024 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải và Công ty Cổ phần Thắng Phương nhằm hợp tác đầu tư vào các sản phẩm tài chính. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia.

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(4) Khoản phải thu theo các hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2309/HTKD/SOCTRANG-MEGASOLAR ngày 23/09/2020, thời gian hợp tác đến hết ngày 22/09/2024 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng và Công ty Cổ phần Mega Solar, nhằm đầu tư vào dự án Nhà máy điện mặt trời Điện Biên 1. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 06/12/2023 giữa Công ty con - Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên và Công ty CP Mega Solar, nhằm hợp tác đầu tư Dự án nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1, thời gian hợp tác là 12 tháng. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1508/2023/ĐT1-MEGA ngày 15/8/2023 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty CP Mega Solar, nhằm đầu tư Dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1, thời gian hợp tác là 12 tháng. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1508/2023/ĐT2-MEGA ngày 15/8/2023 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 và Công ty CP Mega Solar, nhằm đầu tư dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1, thời gian hợp tác là 12 tháng. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp.

(5) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 3011/2021/HTKD-DT1-Plus ngày 30/11/2021, thời gian hợp tác đến ngày 29/11/2024 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần Plus Investment, nhằm đầu tư Dự án nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT2. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng.

(6) Khoản phải thu theo các Phụ lục hợp đồng giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Tập đoàn VNGroup về việc thanh lý Thỏa thuận nguyên tắc số 02/2022/TNTT ngày 25/02/2022 cho mục đích chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Phường Cẩm Phổ, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, thời hạn thu hồi đến ngày 30/06/2024.

(7) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HTKD-TH-TT ngày 01/12/2021, thời gian hợp tác đến ngày 27/12/2024 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa và Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond, nhằm hợp tác đầu tư Dự án Nhà máy điện mặt trời Hoa Hướng Dương. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận.

(8) Khoản phải thu theo các hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 3011/2021/HTKD-DT1-Orchid ngày 30/11/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Orchid và Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1, thời hạn hợp tác đến ngày 29/11/2024, nhằm đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT3 tại tỉnh Long An. Lợi nhuận sẽ được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1801/HTKD/TCD-ORCHID ngày 18/01/2022, thời gian hợp tác đến hết ngày 17/01/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Orchid và Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận Tải nhằm hợp tác đầu tư vào các sản phẩm tài chính. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận dự án và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia.

(9) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 3011/2021/HTKD/DT1 - Hibicus ngày 30/11/2021, thời gian hợp tác đến ngày 29/11/2024 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần Hibiscus, nhằm đầu tư Dự án nhà máy Đức Huệ VNT4. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng.

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(10) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 270421/BCG-KL1 ngày 20/04/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy với Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1 về việc đầu tư phát triển Dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 do Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư, thời gian hợp tác là 3 năm. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp.

(11) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1507/2020/HTKD/LOTT-TRACODI ngày 15/07/2020, thời hạn 4 năm kể từ ngày ký giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải và Công ty Cổ phần HCM Lott 68, nhằm đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia.

(12) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư thể hiện các khoản phải thu theo hợp đồng BCC và các phụ lục hợp đồng giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Orchid, Công ty Cổ phần White Magnolia, và Công ty Cổ Phần Plus Investment với số tiền hợp tác lần lượt là 1.278.436.000.000 VND, 830.000.000.000 VND, và 441.564.000.000 VND nhằm hợp tác phát triển dự án bất động sản Kinh Dương Vương ("Dự án") tại Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cửu Long ("Cửu Long") làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác 3 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và đã được gia hạn thêm 2 năm đến năm 2026. Lợi nhuận được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn lãi suất theo thỏa thuận của Công ty và các đối tác BCC. Dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và công nhận Cửu Long là chủ đầu tư theo quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số 401/UBND-ĐT ngày 23/01/2017 với thời hạn 12 tháng, đến nay đã hết hạn. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty con, các đối tác BCC và Cửu Long đang làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để gia hạn chủ trương đầu tư và hoàn tất các thủ tục pháp lý để phát triển Dự án. Do đó, khả năng để Công ty thu hồi các khoản đầu tư này tùy thuộc vào việc hoàn tất các thủ tục pháp lý cho sự phát triển của Dự án trong tương lai.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban điều hành Tập đoàn và Công ty con đánh giá tính khả thi và khả năng phát triển của Dự án trong tương lai là cao. Do đó, Ban điều hành tin rằng có thể thu hồi được toàn bộ khoản BCC này và Ban điều hành đánh giá là không có khoản dự phòng nào cần phải lập cho việc khó thu hồi khoản BCC nói trên.

(13) Khoản phải thu theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0501/2021/HĐHTKD/TCD-PLUS ngày 05/01/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp và Vận tải và Công ty Cổ phần Plus Investment, thời gian hợp tác đến hết ngày 04/01/2026, nhằm đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2802/2022/HĐ-HTKD/PMC-PLUS ngày 25/02/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Phoenix Mountain và Công ty Cổ phần Plus Investment, nhằm đầu tư, sở hữu các thửa đất tại Phường Trường Thạnh, TP.Thủ Đức, thời gian hợp tác là 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được phân chia dựa trên lợi nhuận thu được theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận đã thỏa thuận;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2704/HTKD/CATTRINH-PLUS ngày 27/04/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Khu Công nghiệp Cát Trinh và Công ty Cổ phần Plus Investment, nhằm đầu tư dự án nhà máy điện Đak Lak, thời gian hợp tác là 4 năm kể từ ngày ký. Lợi nhuận được phân chia dựa theo kết quả kinh doanh khi dự án đi vào vận hành.

(14) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2104/2022/HTKD/PMC-CHI THUY ngày 20/04/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Phoenix Mountain và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy, nhằm đầu tư mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Miền Đất Hoàng Thịnh Phát - Dự án Bình Trưng Đông, thời gian hợp tác 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án vào ngày kết thúc hợp đồng.

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(15) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số HTKD.2020.01/DT1-KL1 ngày 17/12/2020 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát; và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số HTKD.2020.01/DT2-KL1 ngày 17/12/2020 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát. Các hợp đồng nhằm mục đích hợp tác đầu tư dự án phát triển năng lượng tái tạo ("Dự án"), và đầu tư trái phiếu, cổ phiếu. Thời gian hợp tác 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được phân chia theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

Liên quan đến việc thực hiện phát triển Dự án Nhà máy Điện gió giữa các Công ty con và Công ty Toàn Phát. Dự án này đang trong giai đoạn xin chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi tiến hành xây dựng. Để dự án có thể được phê duyệt chủ trương đầu tư thì dự án này phải được đưa vào quy hoạch điện VIII. Theo đó, các chủ đầu tư và các bên tham gia vào BCC đã hoàn tất hồ sơ cần thiết để được Ủy ban Nhân dân các tỉnh đề xuất vào quy hoạch điện VIII. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, dự án điện gió này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh đề xuất vào Kế hoạch triển khai Quy hoạch Điện VIII trong văn bản gửi cho Bộ Công Thương. Hiện tại, việc phê duyệt các dự án điện gió, điện mặt trời vào quy hoạch điện VIII đang chờ Bộ Công Thương phê duyệt cuối cùng. Tiếp theo đó, Tập đoàn sẽ tiếp tục làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan để có chấp thuận chủ trương đầu tư dự án cũng như hoàn tất các thủ tục pháp lý khác để có thể tiếp tục phát triển các dự án này.

(16) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1404/2022/HĐ-HTKD/HIS-PMC ngày 12/04/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Phoenix Mountain và Công ty Cổ phần Hibiscus, nhằm đầu tư, sở hữu các thửa đất tại Phường Trường Thạnh, TP.Thủ Đức, thời gian hợp tác là 4 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được phân chia dựa trên lợi nhuận thu được theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận.

(17) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2101/2022/HTKD/BCGF-ARTEMIS ngày 21/01/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Financial và Công ty Cổ phần Artemis Investment, nhằm đầu tư vào các sản phẩm tài chính, thời hạn là 4 năm. Lợi nhuận được phân chia dựa trên lợi nhuận thu được theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận.

(18) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2704/2022/BCGL-MK ngày 27/04/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Biệt thự Nghỉ dưỡng Mỹ Khê, nhằm hợp tác phát triển dự án bất động sản tại Tỉnh Quảng Ngãi, thời gian hợp tác là 4 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản lợi tức được hưởng được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án sau khi kết thúc dự án.

(19) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2805/2021/HTKD/CASA-VUTUAN ngày 28/05/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort và Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Tuấn, nhằm mua cổ phần của công ty dự án bất động sản tại TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, thời gian hợp tác 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư của dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn.

(20) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2001/2021/HTKD-SSSG-NTNH ngày 20/01/2020 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn và bà Nguyễn Thị Ngọc Hòa, nhằm hợp tác đầu tư vào các sản phẩm tài chính đã niêm yết trên sàn HOSE, HNX hoặc UpCom. Thời gian hợp tác đến ngày 20/01/2025. Kết quả kinh doanh được xác định dựa theo kết quả đầu tư thực tế tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(21) Khoản phải thu theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17/2019/HTĐT/TCD-Helios ngày 24/04/2019, thời gian hợp tác đến hết ngày 23/04/2025 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải và Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios, nhằm hợp tác đầu tư cổ phần vào Công ty TNHH Thanh An An. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0103/HTKD/TRACODI-HELIOS ngày 01/03/2020, thời gian hợp tác đến hết ngày 28/02/2026 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải và Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios, nhằm hợp tác đầu tư Bất động sản Khu du lịch Sinh Thái Cồn Bấp và đầu tư cổ phần vào Công ty TNHH Thanh An An. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận đầu tư và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2803/2022/HĐ-HTKD/VINATAXI-HELIOS ngày 28/03/2022, thời hạn 03 năm kể từ ngày ký giữa Công ty con - Công ty Taxi Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios, nhằm hợp tác mua bất động sản thuộc Dự án Cồn Bấp. Lợi nhuận được xác định dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn vào ngày kết thúc hợp đồng.

(22) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01.2022/NH-LI ngày 20/01/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng và Công ty Cổ phần Phát Triển Lion City, nhằm đầu tư Dự án khu du lịch Biển Mỹ khê, đầu tư xây dựng đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, thời gian hợp tác là 4 năm. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận.

(23) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0912/2022/BCGL-TP ngày 09/12/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Thắng Phương, nhằm hợp tác đầu tư vào các sản phẩm tài chính đã niêm yết trên sàn HOSE, HNX hoặc UpCom. Thời gian hợp tác được gia hạn đến năm 2025. Kết quả kinh doanh được xác định dựa theo lợi nhuận của giao dịch và tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

(24) Khoản phải thu theo các hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0803/2023/HTĐT/SSSG-NTNG ngày 08/03/2023 và số 1603/2023/SSSG-TTH ngày 15/03/2023 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn và bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu, nhằm đầu tư phát triển Dự án tại TP.Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Thời gian hợp tác là 3 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lợi nhuận được phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0712/2023/HĐHTKD/CAT TRINH-NTNG ngày 07/12/2023 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh và bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu, nhằm đầu tư, sở hữu các thửa đất tại phường Trường Thạnh, TP.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh. Thời gian hợp tác là 3 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau khi các thửa đất đủ điều kiện chuyển giao sẽ tiến hành phân chia lợi tức.

(25) Khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa các Công ty con - Công ty TNHH MTV Helios Village, Công ty TNHH Phoenix Mountain và ông Lê Mai Long, nhằm đầu tư sở hữu các bất động sản tại Phường Trường Thạnh, TP.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh. Thời gian hợp tác là 3 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lợi nhuận được phân chia dựa trên lợi nhuận thu được theo thỏa thuận giữa các bên.

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị đã trích dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá trị đã trích dự phòng*
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	57.145.303.025	(43.788.575.674)	116.833.274.445	(97.936.214.038)
Trong đó:				
- Phải thu khách hàng	50.393.183.263	(37.721.801.003)	104.610.898.835	(86.780.262.617)
- Tạm ứng	-	-	104.717.650	(104.717.650)
- Ký quỹ	-	-	1.800.000.000	(1.800.000.000)
- Phải thu khác	5.352.119.762	(4.666.774.671)	8.857.657.960	(7.791.233.771)
- Trả trước người bán	1.400.000.000	(1.400.000.000)	1.460.000.000	(1.460.000.000)
Cộng	**57.145.303.025**	**(43.788.575.674)**	**116.833.274.445**	**(97.936.214.038)**

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
- Nguyên liệu, vật liệu	52.913.321.696	-	73.090.971.560	-
- Công cụ, dụng cụ	1.221.270.189	-	680.355.171	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	3.604.945.013.867	(36.428.960.673)	2.599.500.798.825	(38.298.352.485)
- Thành phẩm	147.181.041.455	-	112.969.916.398	-
- Hàng hóa	5.424.400.157	-	6.818.503.846	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	**3.811.685.047.364**	**(36.428.960.673)**	**2.793.060.545.800**	**(38.298.352.485)**

Ghi chú:

(*) Trong đó, bao gồm:

- Chi phí đầu tư Dự án Khu Nghỉ mát Malibu MGM Hội An theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án 5412511324 được cấp bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam lần đầu ngày 10 tháng 1 năm 2016 và các lần thay đổi do Công ty con - Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas làm chủ đầu tư.

- Chi phí đầu tư Dự án Khu Nghỉ mát Hội An D'Or theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cấp bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam lần đầu ngày 10 tháng 1 năm 2016 và các lần thay đổi do Công ty con - Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp làm chủ đầu tư.

- Và các khoản chi phí sản xuất kinh doanh khác tại các Công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị là 3.277.594.718.693 đồng đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay từ ngân hàng.

9. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	-	***41.300.000.000***
- Chi phí SXKD dở dang khác	-	41.300.000.000
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	***1.609.462.496.210***	***2.576.316.475.893***
- Xây dựng cơ bản dở dang	1.507.643.497.896	2.436.876.321.621
+ Dự án Khu du lịch sinh thái Cồn Bấp	*565.399.350.040*	-
+ Dự án Nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2	*788.839.571.965*	*564.679.108.773*
+ Dự án Nhà máy điện Phù Mỹ	15.057.093.230	*1.871.762.328.348*
+ Dự án trung tâm thương mại Củ Chi	*434.884.500*	*434.884.500*
+ Dự án điện gió Đông Thành 1, Đông Thành 2, Sóc Trăng	*137.912.598.161*	-
- Mua sắm tài sản cố định	92.018.095.372	22.948.813.197
- Chi phí xây dựng khác	9.800.902.942	116.491.341.075
Cộng	**1.609.462.496.210**	**2.617.616.475.893**

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	**2.108.158.767.395**	**5.858.472.386.956**	**922.476.114.179**	**9.913.185.778**	**36.583.713**	**8.899.057.038.021**
2. Số tăng trong năm	**4.879.574.495**	**1.978.816.798.168**	**110.490.864.464**	**753.089.520**	**113.837.200**	**2.095.054.163.847**
- Mua trong năm	1.071.780.000	3.193.314.388	7.039.711.324	-	113.837.200	11.418.642.912
- Đầu tư XDCN hoàn thành	-	1.896.880.455.687	1.089.090.909	-	-	1.897.969.546.596
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	3.807.794.495	78.743.028.093	101.942.062.231	713.989.520	-	185.206.874.339
- Phân loại lại	-	-	420.000.000	39.100.000	-	459.100.000
3. Số giảm trong năm	-	**24.784.498.410**	**33.620.975.555**	361.950.919	**36.583.713**	**58.804.008.597**
- Thanh lý, nhượng bán	-	15.403.157.005	19.572.283.747	-	36.583.713	35.012.024.465
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	4.056.144.178	-	-	4.056.144.178
- Phân loại lại	-	459.100.000	-	-	-	459.100.000
4. Số dư cuối năm	**2.113.038.341.890**	**7.812.504.686.714**	**999.346.003.088**	**10.304.324.379**	**113.837.200**	**10.935.307.193.271**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu năm	**260.259.169.188**	**795.766.644.871**	**129.657.674.723**	**6.978.956.741**	**36.583.713**	**1.192.699.029.236**
2. Khấu hao trong năm	**111.388.753.359**	**374.362.010.478**	**135.476.463.761**	**1.352.603.805**	7.905.360	**622.587.736.763**
- Khấu hao tăng trong năm	107.577.782.098	360.982.851.126	57.969.713.183	955.932.349	7.905.360	527.494.184.116
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	3.807.794.495	10.793.565.720	73.961.983.458	387.873.951	-	88.951.217.624
- Phân loại lại	3.176.766	2.585.593.632	3.544.767.120	8.797.505	-	6.142.335.023
3. Giảm trong năm	-	**18.112.313.460**	**34.933.857.832**	361.950.919	**36.583.713**	**53.444.705.924**
- Thanh lý, nhượng bán	-	9.469.823.672	18.299.572.392	-	36.583.713	27.805.979.777
- Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	4.056.144.178	-	-	4.056.144.178
- Phân loại lại	-	11.974.271	2.585.593.632	-	-	2.597.567.903
4. Số dư cuối năm	**371.647.922.547**	**1.152.016.341.889**	**230.200.280.652**	**7.969.609.627**	**7.905.360**	**1.761.842.060.075**
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	**1.847.899.598.207**	**5.062.705.742.085**	**792.818.439.456**	**2.934.229.037**	-	**7.706.358.008.785**
2. Tại ngày cuối năm	**1.741.390.419.343**	**6.660.488.344.825**	**769.145.722.436**	**2.334.714.752**	**105.931.840**	**9.173.465.133.196**

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ: *8.812.334.965.764 VND*

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: *157.753.262.505 VND*

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông báo số 3116/TB-TTCP kết luận thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong quản lý, thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh kèm theo phụ lục số 01 về thông báo kết luận thanh tra tại Tỉnh Long An.

Theo đó:

- Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương ("BCG - Băng Dương") đã nhận bàn giao diện tích đất 50 ha từ Ban quản lí Huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An trước khi được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Long An cho thuê đất; và vượt 1,29 ha so với hạn mức quy định tại khoản 4 điều 10 Thông tư số 16/2017/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Bộ Công Thương Quy định về phát triển dự án và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời. Để khắc phục vấn đề này, ngày 15 tháng 6 năm 2023, BCG - Băng Dương đã có Công văn số 05/2023/CV-BCGBD gửi UBND Tỉnh Long An cùng các cơ quan có liên quan, đề nghị trả lại UBND Tỉnh Long An phần đất được giao vượt quy định. Vì đây là đất thuê và chưa có tài sản hình thành trên phần đất vượt hạn mức, do đó, việc hoàn trả lại phần đất vượt hạn mức nói trên không dẫn đến việc xóa sổ tài sản nào trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

- Phần đất có diện tích 124,8 ha đã cấp cho Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương ("Hanwha - BCG Băng Dương") có nguồn gốc đất, rừng sản xuất. Để nghiệm thu Dự án nhà máy điện mặt trời GAIA Tập đoàn phải được phê duyệt chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất năng lượng. Tập đoàn đã trúng đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất theo Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 15 tháng 1 năm 2020. Theo đó, Tập đoàn đã ký Hợp đồng thuê đất và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và cam kết theo quy định. Việc thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất đã được Tập đoàn thực hiện sau khi trúng đấu giá quyền sử dụng đất từ tháng 1 năm 2020 và đã được UBND Tỉnh Long An phê duyệt. Tuy nhiên theo Thông báo của Thanh tra Chính phủ thì thẩm quyền phê duyệt chuyển đổi mục đích sử dụng đất này thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Để tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Dự án, ngày 26 tháng 10 năm 2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có cuộc họp với UBND Tỉnh Long An và UBND Tỉnh Long An đã rà soát để thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004. Theo đó, thẩm quyền chuyển đổi mục đích sử dụng đất nói trên thuộc UBND Tỉnh Long An (theo Thông báo kết luận cuộc họp số 7731/TB-BNN-VP ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sản xuất sang đất năng lượng là phù hợp theo các quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng thuê đất với Tỉnh Long An vẫn tiếp tục có hiệu lực.

Theo đó, Ban điều hành Tập đoàn và Công ty con đánh giá ảnh hưởng của vấn đề nêu trên bởi Thông báo của Thanh tra Chính phủ đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn là thấp.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	**17.888.753.803**	**17.888.753.803**
2. Số tăng trong năm	**17.982.081.820**	**17.982.081.820**
- Thuê TSCĐ tài chính trong năm	12.807.245.456	12.807.245.456
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	5.174.836.364	5.174.836.364
3. Số giảm trong năm	**4.253.720.603**	**4.253.720.603**
- Giảm khác	4.253.720.603	4.253.720.603
4. Số dư cuối năm	**31.617.115.020**	**31.617.115.020**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế		
1. Số dư đầu năm	**6.845.229.365**	**6.845.229.365**
2. Khấu hao trong năm	**4.625.768.820**	**4.625.768.820**
- Khấu hao tăng trong năm	4.604.496.535	4.604.496.535
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	21.272.285	21.272.285
3. Giảm trong năm	**3.544.767.120**	**3.544.767.120**
- Giảm khác	3.544.767.120	3.544.767.120
4. Số dư cuối năm	**7.926.231.065**	**7.926.231.065**
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	**11.043.524.438**	**11.043.524.438**
2. Tại ngày cuối năm	**23.690.883.955**	**23.690.883.955**

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	**513.520.000**	**399.518.014.730**	**46.625.683.435**	**446.657.218.165**
2. Số tăng trong năm	-	**21.308.928.922**	**685.226.750**	**21.994.155.672**
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	21.308.928.922	685.226.750	21.994.155.672
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	**513.520.000**	**420.826.943.652**	**47.310.910.185**	**468.651.373.837**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế				
1. Số dư đầu năm	**63.906.871**	**8.427.616.619**	**42.735.549.366**	**51.227.072.856**
2. Khấu hao trong năm	**12.167.272**	**8.427.616.618**	**1.371.777.369**	**9.811.561.259**
- Khấu hao tăng trong năm	12.167.272	8.427.616.618	848.286.734	9.288.070.624
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	523.490.635	523.490.635
3. Giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	**76.074.143**	**16.855.233.237**	**44.107.326.735**	**61.038.634.115**
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	**449.613.129**	**391.090.398.111**	**3.890.134.069**	**395.430.145.309**
2. Tại ngày cuối năm	**437.445.857**	**403.971.710.415**	**3.203.583.450**	**407.612.739.722**

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 42.219.355.639 VND.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	***283.441.392.588***	***82.203.869.025***
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	18.321.163.281	6.855.231.320
- Chi phí bảo hiểm	3.430.461.513	3.305.556.758
- Chi phí phát hành trái phiếu	861.130.267	25.000.000.000
- Chi phí hoa hồng bảo hiểm chưa phân bổ	22.176.379.197	14.142.615.436
- Chi phí môi giới bán hàng	55.541.638.059	-
- Chi phí khác	183.110.620.271	32.900.465.511
b. Dài hạn	***172.450.221.088***	***210.679.868.799***
- Quyền sử dụng đất thuê	49.625.088.755	1.760.479.820
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	4.504.118.145	12.996.342.291
- Chi phí nâng cấp sửa chữa văn phòng, máy móc, thiết bị	21.077.796.436	13.063.959.600
- Chi phí Dự án khu nghỉ mát Malibu chờ phân bổ	49.656.462.438	116.094.307.963
- Chi phí khác	47.586.755.314	66.764.779.125
Cộng	**455.891.613.676**	**292.883.737.824**

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a. Ngắn hạn	***1.823.813.876.939***	***1.823.813.876.939***	***1.981.773.747.641***	***1.981.773.747.641***
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	492.064.171.618	492.064.171.618	545.885.677.208	545.885.677.208
- Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	423.223.088.490	423.223.088.490	324.294.318.342	324.294.318.342
- Tổng Công ty Xây Dựng Số 1 - CTCP	142.985.497.531	142.985.497.531	186.279.636.427	186.279.636.427
- Các nhà cung cấp khác	765.541.119.300	765.541.119.300	925.314.115.664	925.314.115.664
b. Dài hạn	***105.627.982.231***	***105.627.982.231***	***191.037.276.046***	***191.037.276.046***
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	-	-	103.964.826.965	103.964.826.965
- Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	-	-	87.072.449.081	87.072.449.081
- Các nhà cung cấp khác	105.627.982.231	105.627.982.231	-	-
Cộng	**1.929.441.859.170**	**1.929.441.859.170**	**2.172.811.023.687**	**2.172.811.023.687**

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

d. Phải trả người bán là các bên liên quan

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	***3.207.551.986.728***	***3.259.131.147.761***
- Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	728.079.060.078	904.279.060.078
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Gia Khang	965.662.461.672	746.224.936.944
- Các khách hàng khác	1.513.810.464.978	1.608.627.150.739
b. Dài hạn	-	-

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã thực nộp trong năm*	*Số cuối năm*
a. Phải nộp	***265.277.761.505***	***400.289.365.366***	***414.171.486.577***	***251.395.640.294***
- Thuế giá trị gia tăng	42.867.783.562	174.769.566.791	171.005.766.298	46.631.584.055
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	201.051.233.920	112.989.439.186	140.031.007.711	174.009.665.395
- Thuế thu nhập cá nhân	6.458.937.903	21.610.462.742	21.343.090.665	6.726.309.980
- Thuế tài nguyên	11.120.745.175	58.357.077.243	58.843.436.873	10.634.385.545
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.092.350.063	1.075.260.501	17.089.562
- Thuế khác	1.055.058.125	14.692.100.995	7.716.272.541	8.030.886.579
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.724.002.820	16.778.368.346	14.156.651.988	5.345.719.178

	Số đầu năm	*Phát sinh giảm trong năm*	*Phát sinh tăng trong năm*	*Số cuối năm*
b. Phải thu	***3.547.546.712***	***103.012.132***	***3.145.230.890***	***6.589.765.470***
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.455.596.615	-	3.081.067.118	5.536.663.733
- Thuế khác	1.091.950.097	103.012.132	64.163.772	1.053.101.737

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	***489.905.768.696***	***542.831.418.466***
- Trích trước lãi vay, lãi trái phiếu, lãi hợp tác đầu tư	243.403.579.829	449.974.893.555
- Tạm trích chi phí xây dựng	164.812.088.295	42.524.071.999
- Chi phí phải trả khác	81.690.100.572	50.332.452.912
b. Dài hạn	-	-
Cộng	**489.905.768.696**	**542.831.418.466**

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	***2.678.959.630.975***	***1.916.981.921.631***
- Tài sản thừa chờ xử lý	37.551.325	40.402.115
- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	2.270.837.258	948.106.499
- Nhận ký cược, ký quỹ	10.505.905.838	600.000.000
- Phải trả lãi vay, lãi BCC	272.084.211.009	242.911.771.656
- Các khoản phải trả BCC	2.093.439.974.249	1.521.958.581.624
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Như Ý	-	745.944.328.768
+ Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Tuấn	-	350.000.000.000
+ Công ty CP TV Thiết kế xây dựng Tầm Nhìn Mới (1)	1.425.000.000.000	-
+ Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch vụ BĐS Thăng Long (2)	378.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Gia Khang (9)	177.529.250.000	-
+ Các đối tượng khác	112.910.724.249	426.014.252.856
- Các khoản khác	300.621.151.296	150.523.059.787
b. Dài hạn	***2.962.815.808.780***	***6.547.555.089.529***
- Nhận ký cược, ký quỹ	42.839.190.000	41.460.282.000
- Các khoản phải trả BCC	2.908.407.000.000	6.496.144.669.000
+ Công ty Cổ phần BCG Land Gateway (3)	456.000.000.000	490.525.000.000
+ Công ty Cổ phần Skylar Flagship	-	420.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Daffodils (4)	203.355.000.000	350.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy (5)	520.000.000.000	750.000.000.000
+ Công ty Cổ phần TV Thiết kế xây dựng Tầm Nhìn Mới (1)	-	1.425.000.000.000
+ Công ty CP ĐT Xây Dựng Dịch Vụ Thương Mại Phương Nam (6)	625.000.000.000	750.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Mega Solar	-	387.167.000.000
+ Công ty CP MGM Hanbit (7)	400.000.000.000	400.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Artemis Investment (8)	519.052.000.000	395.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Gia Khang (9)	104.000.000.000	366.297.000.000
+ Các đối tượng khác	81.000.000.000	762.155.669.000
- Các khoản khác	11.569.618.780	9.950.138.529

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Ghi chú:

(1) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HTKD/BCG-TNM ngày 20/04/2022 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Tầm Nhìn Mới về việc tìm dự án năng lượng điện mặt trời và điện gió, dự án bất động sản tiềm năng trên địa bàn Việt Nam. Căn cứ các biên bản làm việc trong năm 2022 thì các bên thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng, thời hạn hoàn trả toàn bộ dư nợ tối đa 18 tháng kể từ ngày 30/12/2022.

(2) Khoản phải trả của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07/2021/HĐHTKD-BCG-BDSTL ngày 10/03/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty TNHH Kinh Doanh Dịch vụ BĐS Thăng Long. Mục đích góp vốn đầu tư vào dự án bất động sản thuộc sở hữu hoặc phát triển bởi Công ty Cổ Phần BCG Khu công nghiệp Cát Trinh. Căn cứ các biên bản làm việc trong năm 2022 thì các bên thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng, thời hạn hoàn trả toàn bộ dư nợ tối đa 18 tháng kể từ ngày 16/12/2022.

18. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

(3) Khoản phải trả theo các hợp đồng:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 230601/2021/HTKD/GATEWAY-DT1 ngày 23/06/2021 giữa Công ty Cổ phần BCG Land Gateway và Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1, thời hạn 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng để cùng hợp tác đầu tư vào Dự án nhà máy điện gió Đông Thành 1. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận giữa các bên;

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 230601/2021/HTKD/GATEWAY-DT2 ngày 23/06/2021 giữa Công ty Cổ phần BCG Land Gateway và Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2, thời hạn 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng để cùng hợp tác đầu tư vào Dự án nhà máy điện gió Đông Thành 2. Lợi nhuận được phân chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ góp vốn nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận giữa các bên.

(4) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1506/2021/HĐ-HTĐT ngày 15/06/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort và Công ty Cổ phần Daffodils, nhằm hợp tác phát triển dự án bất động sản tại Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. Thời hạn hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lợi nhuận được xác định theo kết quả kinh doanh của dự án và khoản lợi tức cụ thể trong từng giai đoạn.

(5) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 25.04/2022/HĐ-HTĐT ngày 25/04/2022 và các Phụ lục hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Dịch vụ Chi Thủy. Mục đích đầu tư vào Dự án tại Phường Nghĩa Phú, TP.Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông do Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital làm chủ đầu tư. Thời gian thực hiện 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lợi nhuận phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn hợp tác.

(6) Khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 25.02/HĐ-HTĐT/PN-PMT ngày 25/02/2022 giữa Công ty con - Công ty TNHH Phoenix Mountain và Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Dịch Vụ Thương Mại Phương Nam. Thời gian hợp tác là 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích đầu tư điểm du lịch 2A, tuyến Quy Nhơn - Sông Cầu, TP.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. Lợi nhuận được phân chia dựa theo kết quả kinh doanh của dự án nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận giữa các bên.

(7) Khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01.12/2021/HĐ-HTĐT/ĐT1-MGM ngày 01/12/2021 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần MGM Hanbit, nhằm hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy điện gió Đông Thành 1, thời hạn hợp tác 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận được chia theo lợi nhuận của dự án theo tỷ lệ vốn góp nhưng không thấp hơn mức lợi nhuận tối thiểu đã thỏa thuận giữa các bên.

(8) Bao gồm khoản phải trả theo các hợp đồng sau giữa Công ty và Công ty Cổ phần Artemis Investment:
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 04/2023/HTKD-BCG-ART ngày 20/10/2023 về việc đầu tư vào Dự án tại Phường Nghĩa Phú, TP.Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông do Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Dựa vào kết quả đầu tư kinh doanh vào các dự án, các bên phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế của dự án, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0512/HTKD/BCG-ART ngày 05/12/2022, nhằm hợp tác đầu tư các dự án năng lượng điện mặt trời và điện gió. Thời gian hợp tác là 03 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận phân chia dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ góp vốn hợp tác trên tổng mức đầu tư của dự án, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

18. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

(9) Bao gồm các khoản phải trả theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng hợp tác số 1208/2020/HTKD/GK-TRACODI ngày 12/08/2020 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải và Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại Dịch Vụ Gia Khang, thời hạn hợp tác 04 năm kể từ ngày ký để cùng đầu tư vào các sản phẩm tài chính. Công ty sẽ phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng hợp tác đầu tư. Lợi nhuận phân chia được tính dựa vào lợi nhuận dự án và tỷ lệ đầu tư thực tế của các bên tham gia.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2510/HTĐT-GK-BCG ngày 25/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bamboo Capital và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang về việc đầu tư vào Dự án Điểm du lịch số 2A do Công ty TNHH Phoenix Mountain làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Lợi nhuận phân chia dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh của dự án tại thời điểm phân chia lợi nhuận, sau khi kết thúc dự án hai bên sẽ thống nhất tỷ lệ phân chia lợi nhuận bằng văn bản dựa theo tình hình kết quả hoạt động của dự án.

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngắn hạn	***439.871.998.269***	***330.545.000.866***
- Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	335.821.064.861	134.594.973.032
- Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	70.894.582.885	168.151.894.608
- Dự phòng dao động lớn	33.156.350.523	27.798.133.226
b. Dài hạn	***2.283.435.069***	***1.724.405.975***
- Dự phòng phải trả khác	2.283.435.069	1.724.405.975

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

		Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn							
a.1 Vay ngắn hạn		**2.217.252.000.572**	**2.217.252.000.572**	**2.653.247.532.494**	**2.682.478.527.969**	**2.188.021.005.097**	**2.188.021.005.097**
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	*(1)*	687.306.463.974	687.306.463.974	659.556.289.528	733.355.257.976	613.507.495.526	613.507.495.526
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	*(1)*	5.307.840.000	5.307.840.000	19.985.713.765	16.860.858.069	8.432.695.696	8.432.695.696
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	*(1)*	30.600.000.000	30.600.000.000	30.600.000.000	30.600.000.000	30.600.000.000	30.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	*(1)*	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	*(1)*	191.543.173.463	191.543.173.463	164.870.071.917	117.874.249.330	238.538.996.050	238.538.996.050
- Ngân hàng TMCP Nam Á	*(1)*	300.000.000.000	300.000.000.000	1.054.600.000.000	1.054.600.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	*(1)*	44.248.373.819	44.248.373.819	59.642.784.068	76.860.695.798	27.030.462.089	27.030.462.089
- Công ty TNHH Du Lịch Sinh Thái Cồn Bắp		20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Phương Đông	*(1)*	9.963.275.570	9.963.275.570	6.833.268.958	10.463.275.570	6.333.268.958	6.333.268.958
- Công ty TNHH Sembcorp Energy Việt Nam	*(2)*	641.520.000.000	641.520.000.000	17.955.000.000	-	659.475.000.000	659.475.000.000
- Công ty TNHH Sembcorp Solar Việt Nam		-	-	11.300.000.000	11.300.000.000	-	-
- Leader Energy (Vietnam) Pte. Ltd.	*(3)*	112.622.400.000	112.622.400.000	3.152.100.000	-	115.774.500.000	115.774.500.000
- Ngân hàng TMCP An Bình		-	-	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-
- Ngân hàng MSB	*(1)*	-	-	8.888.888.904	-	8.888.888.904	8.888.888.904
- Các đối tượng khác		124.140.473.746	124.140.473.746	265.863.415.354	260.564.191.226	129.439.697.874	129.439.697.874

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)						
a.2 Vay dài hạn đến hạn trả	**719.455.444.880**	**719.455.444.880**	**1.198.150.977.191**	**1.260.559.761.177**	**657.046.660.894**	**657.046.660.894**
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	178.350.000	178.350.000	178.350.000	178.350.000	178.350.000	178.350.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á	126.429.435.424	126.429.435.424	424.991.745.796	528.429.435.424	22.991.745.796	22.991.745.796
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	123.847.633.460	123.847.633.460	70.655.578.444	134.435.461.322	60.067.750.582	60.067.750.582
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	273.122.500.000	273.122.500.000	514.150.000.000	353.122.500.000	434.150.000.000	434.150.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	30.800.000.000	30.800.000.000	-	7.800.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-CN TP.HCM	271.144.000	271.144.000	271.144.000	271.144.000	271.144.000	271.144.000
- Công ty TNHH Du Lịch Sinh Thái Cồn Bắp	105.700.000.000	105.700.000.000	-	105.700.000.000	-	-
- Ngân hàng TNHH Indovina	59.106.381.996	59.106.381.996	14.776.595.499	73.882.977.495	-	-
- Công ty TNHH MTV Tài Chính Toyota Việt Nam	-	-	1.141.600.032	570.800.016	570.800.016	570.800.016
- DBS Bank Ltd, Singapore	-	-	171.985.963.420	56.169.092.920	115.816.870.500	115.816.870.500
a.3 Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	**31.176.173.260**	**31.176.173.260**	**12.784.194.316**	**39.176.173.260**	**4.784.194.316**	**4.784.194.316**
- Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV-SuMi TRUST - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh *(12)*	2.030.977.260	2.030.977.260	1.088.374.716	2.030.977.260	1.088.374.716	1.088.374.716
- Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng Sài Gòn Thương Tín *(13)*	-	-	3.314.067.600	-	3.314.067.600	3.314.067.600
- Ngân hàng TMCP Phát Triển Tp.Hồ Chí Minh	29.145.196.000	29.145.196.000	8.381.752.000	37.145.196.000	381.752.000	381.752.000
Cộng	**2.967.883.618.712**	**2.967.883.618.712**	**3.864.182.704.001**	**3.982.214.462.406**	**2.849.851.860.307**	**2.849.851.860.307**

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

		Số đầu năm		*Trong năm*		*Số cuối năm*	
		Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn							
b.1 Vay dài hạn		**4.428.626.053.616**	**4.428.626.053.616**	**3.049.219.093.984**	**2.953.246.449.832**	**4.524.598.697.768**	**4.524.598.697.768**
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	*(4)*	753.030.000	753.030.000	-	167.340.000	585.690.000	585.690.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	*(5)*	237.800.000	237.800.000	-	178.350.000	59.450.000	59.450.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á		93.741.745.796	93.741.745.796	396.800.000.000	490.541.745.796	-	-
- Ngân hàng TNHH Indovina		620.617.005.353	620.617.005.353	-	620.617.005.353	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	*(6)*	2.027.661.436.696	2.027.661.436.696	364.481.666.343	515.350.000.000	1.876.793.103.039	1.876.793.103.039
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	*(7)*	33.338.523.142	33.338.523.142	-	23.000.000.000	10.338.523.142	10.338.523.142
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	*(8)*	1.087.260.450.936	1.087.260.450.936	349.590.870.031	536.520.004.304	900.331.316.663	900.331.316.663
- Ngân hàng TMCP Phát Triển Tp.Hồ Chí Minh		368.886.061.693	368.886.061.693	-	368.886.061.693	-	-
- Công ty TNHH MTV Tài Chính Toyota Việt Nam	*(9)*	-	-	2.246.066.672	570.800.040	1.675.266.632	1.675.266.632
- Công ty TNHH Du Lịch Sinh Thái Cồn Bắp		80.000.000.000	80.000.000.000	-	80.000.000.000	-	-
- DBS Bank Ltd., Singapore	*(10)*	-	-	1.887.733.453.940	190.985.513.000	1.696.747.940.940	1.696.747.940.940
- Ngân hàng MSB	*(11)*	-	-	37.037.036.998	9.629.629.646	27.407.407.352	27.407.407.352
- Các đối tượng khác		116.130.000.000	116.130.000.000	11.330.000.000	116.800.000.000	10.660.000.000	10.660.000.000

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

		Số đầu năm		*Trong năm*		*Số cuối năm*	
		Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
b.2 Nợ thuê tài chính dài hạn		**7.680.620.547**	**7.680.620.547**	**16.384.484.292**	**11.213.258.729**	**12.851.846.110**	**12.851.846.110**
- Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV Sumi Trust - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh	*(12)*	4.142.020.506	4.142.020.506	-	1.375.829.092	2.766.191.414	2.766.191.414
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương	*(13)*	-	-	16.384.484.292	8.157.179.100	8.227.305.192	8.227.305.192
- Ngân hàng TMCP Phát Triển		381.752.000	381.752.000	-	381.752.000	-	-
- Công ty Thuê Tài Chính TNHH BIDV	*(14)*	2.343.416.041	2.343.416.041	-	1.027.354.537	1.316.061.504	1.316.061.504
- Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-CN TP.HCM	*(15)*	813.432.000	813.432.000	-	271.144.000	542.288.000	542.288.000
Cộng		**4.436.306.674.163**	**4.436.306.674.163**	**3.065.603.578.276**	**2.964.459.708.561**	**4.537.450.543.878**	**4.537.450.543.878**

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

		Số đầu năm			Số cuối năm		
		Giá trị	*Lãi suất*	*Kỳ hạn*	*Giá trị*	*Lãi suất*	*Kỳ hạn*
c. Trái phiếu thường							
c.1 Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		**67.636.791.580**			**299.583.333.336**		
- Trái phiếu chuyển đổi không thực hiện quyền		67.636.791.580	7,0%	3 năm	-		
- Loại phát hành theo mệnh giá - Mã trái phiếu TCDH2124002	*(17)*				300.000.000.000	11,5%	3 năm
- Loại phát hành theo mệnh giá	*(19)*	-			(416.666.664)		
+ Mã trái phiếu BCLCH2124001							
+ Chi phí phát hành trái phiếu					*(416.666.664)*		
c.2 Trái phiếu dài hạn		**7.251.460.977.778**			**4.477.475.066.659**		
- Loại phát hành theo mệnh giá	*(16)*	497.141.666.663	11,5%	5 năm	497.841.666.659	11,5%	5 năm
+ Mã trái phiếu BCG122006		*500.000.000.000*			*500.000.000.000*		
+ Chi phí phát hành trái phiếu		*(2.858.333.337)*			*(2.158.333.341)*		
- Loại phát hành theo mệnh giá - Mã trái phiếu TCDH2124002	*(17)*	500.000.000.000	11,5%	3 năm			
- Loại phát hành theo mệnh giá	*(18)*	972.708.200.000	11,0%	5 năm	979.633.400.000	11,0%	5 năm
+ Mã trái phiếu TCDH2227002		*990.000.000.000*			*990.000.000.000*		
+ Chi phí phát hành trái phiếu		*(17.291.800.000)*			*(10.366.600.000)*		
- Loại phát hành theo mệnh giá		999.111.111.111	14,0%	3 năm	-		
+ Mã trái phiếu là EBCCH2124002		*1.000.000.000.000*					
+ Chi phí phát hành trái phiếu		*(888.888.889)*					
- Loại phát hành theo mệnh giá		1.284.583.333.336	14,0%	3 năm	-		
+ Mã trái phiếu EBCCH2124003		*1.286.000.000.000*					
+ Chi phí phát hành trái phiếu		*(1.416.666.664)*					
- Loại phát hành theo mệnh giá	*(19)*	2.497.916.666.668	11,0%	3 năm	2.500.000.000.000	11,0%	5 năm
+ Mã trái phiếu BCLCH2124001		*2.500.000.000.000*			*2.500.000.000.000*		
+ Chi phí phát hành trái phiếu		*(2.083.333.332)*					
- Loại phát hành theo mệnh giá	*(20)*	500.000.000.000	13,0%	5 năm	500.000.000.000	13,0%	5 năm
Cộng		**7.319.097.769.358**			**4.777.058.399.995**		

d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:
Chi tiết số dư tại ngày 31/12/2023 của các khoản vay và nợ thuê tài chính được trình bày như sau:

(1) Khoản vay từ các Ngân hàng thương mại theo các Hợp đồng tín dụng của Công ty và các Công ty con, các khoản vay được rút bằng đồng Việt Nam hoặc đồng Đô la Mỹ, dùng để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là nhà xưởng, máy móc thiết bị, khoản phải thu đã hình thành luân chuyển và tiền gửi có kỳ hạn thuộc sở hữu của các Công ty con và tài sản của bên thứ ba (Xem Thuyết minh V.01, V.04 và V.10).

(2) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng vay ngày 10/01/2022 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy và Công ty TNHH Sembcorp Energy Việt Nam, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay là đến ngày 30/06/2024, lãi suất 8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản của các bên bảo lãnh chi tiết như sau:

Bên bảo lãnh	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 Tất cả tài khoản ngân hàng của Công ty bao gồm các tài khoản tại Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Công ty Cổ phần BCG Energy	Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG Gaia Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Tất cả tài sản thuộc Dự án Điện gió Đông Thành 1 Tất cả giấy tờ pháp lý liên quan đến Dự án Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 2 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty Cổ phần Điện gió Khai Long 1	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty Cổ phần Điện gió Khai Long 2	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 2 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty Cổ phần Điện gió Khai Long 3	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 3 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

Bên bảo lãnh	**Tài sản thế chấp**
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án nhà máy Điện gió BCG Sóc Trăng 1 Các tài khoản ngân hàng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Phương Đông
Ông Nguyễn Hồ Nam	5 triệu cổ phiếu trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital
Ông Phạm Minh Tuấn	2,369 triệu cổ phiếu trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital 22.500 cổ phiếu Công ty Cổ phần BCG Gaia
Bà Hoàng Thị Minh Châu	2.500 cổ phiếu Công ty Cổ phần BCG Gaia

(3) Khoản vay tín chấp của Công ty con - Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch để thanh toán cho nhà thầu xây dựng cũng như các hoạt động kinh doanh của Công ty con. Thời hạn thanh toán dưới 1 năm, lãi suất áp dụng là từ 10,5% đến 12,5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(4) Đây là khoản vay trung hạn của Công ty con - Công ty Cổ phần Thành Phúc ("Thành Phúc") theo Hợp đồng tín dụng số 4603-LAV-202201817 ngày 21/06/2022. Khoản vay được rút bằng đồng Việt Nam, thời hạn vay 05 năm, trả gốc định kỳ 06 tháng/lần. Lãi suất 9%/năm, trả lãi theo từng quý. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc của Công ty Thành Phúc.

(5) Khoản vay dài hạn của Công ty để mua xe ô tô. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải của Công ty (xem Thuyết minh V.10).

(6) Bao gồm các Hợp đồng vay dài hạn của các Công ty con với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam:

Khoản vay của Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch. Hạn mức tín dụng là 2.623 tỷ đồng để thanh toán chi phí đầu tư Dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 123 - Giai đoạn 1. Thời hạn vay đến ngày 05/05/2031, lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND cộng biên độ tối thiểu 4%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai và toàn bộ động sản thuộc của công ty con; quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện; toàn bộ cổ phần và quyền tài sản phát sinh từ dự án (xem Thuyết minh V.02; V.10).

Khoản vay bằng Đồng Việt Nam của Công ty Cổ phần BCG Land với hạn mức vay là 6 tỷ đồng nhằm mục đích thanh toán các chi phí liên quan đến 2 xe ô tô, lãi suất được xác định bằng lãi suất cơ bản cộng (+) biên độ tối thiểu 4%/năm với thời gian được xác định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận tải theo Hợp đồng thế chấp động sản số 14/2022/HĐBĐ/NHCT944-BCGLAND ngày 29 tháng 4 năm 2022 (xem Thuyết minh V.10).

Khoản vay của Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp với hạn mức vay là 400 tỷ đồng nhằm mục đích thanh toán công nợ dự án với thời hạn 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 1 tháng một lần và được xác định bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 4,5%/năm nhưng không thấp hơn sàn lãi suất cho vay kinh doanh bất động sản của ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ Quyền sử dụng đất thuộc một dự án tại Thành phố Hội An ("Dự án"), tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Dự án và các tài sản khác đủ điều kiện nhận bảo đảm theo quy định.

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(7) Hợp đồng vay dài hạn

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Skylar nhằm đầu tư Dự án điện năng lượng mặt trời. Thời hạn vay đến 19/12/2027, lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà hình thành trong tương lai và đã hình thành trên các mái nhà theo các Hợp đồng thuê mái; toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê của công ty trong tập đoàn; Toàn bộ phần vốn góp của công ty trong Công ty cùng Tập đoàn; và Bảo lãnh cá nhân của chủ tịch.

(8) Bao gồm các Hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Tiên Phong:

Khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong với hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Mục đích là góp vốn hợp tác thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng ĐT 830 và ĐT 824 từ cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hoà tỉnh Long An theo hình thức hợp đồng BOT. Tài sản đảm bảo là dự án nâng cấp, mở rộng ĐT 830 và ĐT 824 từ cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hòa, Tỉnh Long An (xem mục V.06 thuyết minh báo cáo tài chính riêng này). Lãi suất 3 tháng đầu tiên là 10,4%/năm, lãi các kỳ tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần và bằng lãi suất cơ sở trung hạn 3 tháng (KHDN) của TPbank tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 4%/năm.

Khoản vay của Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long theo Hợp đồng vay dài hạn số 69/2020/HDTD/TTKHDNL MN2/01 ngày 14/01/2021 với hạn mức vay 710 tỷ đồng để tài trợ chi phí đầu tư Dự án Nhà máy điện mặt trời VNECO Vĩnh Long. Thời hạn vay đến ngày 15/01/2036, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai của Nhà máy điện mặt trời tại công ty con; quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện.

Khoản vay của Công ty con - Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas thể hiện khoản vay bằng Đồng Việt Nam với tổng hạn mức vay là 800.000.000.000 đồng nhằm mục đích đầu tư Dự án Khu nghỉ mát Malibu MGM Hội An, có thời hạn 24 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và được xác định bằng lãi suất cho vay cơ sở trung hạn kỳ hạn 03 tháng của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ cụ thể theo từng thông báo nhận nợ. Tài sản đảm bảo là thư bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Nam Á cho nghĩa vụ của Công ty trong quá trình vay vốn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

(9) Khoản vay dài hạn của Công ty con - Công ty Taxi Việt Nam theo chương trình tín dụng CP1909CO để mua xe ô tô. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là xe ô tô hình thành từ vốn vay.

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(10) Khoản vay dài hạn nước ngoài giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Gaia và DBS Bank Ltd., Singapore. Giá trị khoản vay 77.500.000 USD được giải ngân toàn bộ vào 06/06/2023. Mục đích vay để tài trợ cho các dự án, hợp đồng hợp tác kinh doanh và kế hoạch kinh doanh. Thời hạn khoản vay 12 năm. Gốc + lãi thanh toán 03 tháng/lần. Ngày trả gốc + lãi đầu tiên là 15/08/2023. Đồng tiền trả Nợ gốc + lãi là USD. Lãi là lãi kép tích lũy với lãi suất bằng tổng phần trăm hàng năm của lãi biên và lãi suất tham chiếu kép (= SOFR +2.9%). Khoản vay được được thế chấp bằng những tài sản chi tiết sau:

Bên bảo lãnh	**Tài sản thế chấp**
Công ty Cổ phần BCG Energy	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS - Chi nhánh TP.HCM Toàn bộ bất động sản thuộc Dự án Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ Dự án
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS - Chi nhánh TP.HCM Toàn bộ động sản thuộc Dự án Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ Dự án
Công ty TNHH Sembcorp Energy Việt Nam	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA
Ông Phạm Minh Tuấn	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA
Bà Phạm Thị Hoàng Châu	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(11) Khoản vay theo hợp đồng cho vay số 2501/2021/MSB-GH/HDCV giữa Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam và Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy với số tiền vay là 60.000.000.000 VND. Thời hạn vay: 84 tháng. Mục đích vay để tài trợ chi phí xây dựng dự án điện mặt trời mái nhà do Công ty là chủ đầu tư tại Kho B4, C2, C3, C4, C5, C6, Siêu Thị Gỗ Tây, khu ICD Tân Cảng Long Bình, phường Long Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai - Tại kho xưởng của Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu, Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai. Lãi suất 7,3 %/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Công ty Gia Huy (xem Thuyết minh V.10).

(12) Bao gồm các Hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho Thuê Tài chính TNHH BIDV-SuMi TRUST:

- Khoản thuê tài chính của Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải để mua xe ôtô. Số tiền vay và thời hạn vay được xác định theo từng hợp đồng.

- Khoản thuê tài chính của Công ty con - Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA để mua xe ô tô , thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 8.5%/năm trong 6 tháng đầu, sau đó là Lãi suất tham chiếu.

(13) Khoản vay dài hạn của Công ty con - Công ty Taxi Việt Nam để thuê xe ô tô phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty con. Thời hạn vay và lãi suất được quy định theo từng hợp đồng cho thuê tài chính. Tài sản đảm bảo là khoản tiền ký cược bảo đảm có giá trị tại 31/12/2023 là 883.750.000 đồng.

(14) Đây là khoản nợ thuê tài chính giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Tapiotek và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 21821000398/HĐCTTC. Thời hạn cho thuê 36 tháng. Lãi suất thuê 7%/năm. Tài sản đảm bảo là khoản tiền ký cược bảo đảm có giá trị tại 31/12/2023 là 389.755.186 đồng.

(15) Đây là khoản thuê tài chính của Công ty con - Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy theo hợp đồng CTTC số 63.22.07/CTTC ký ngày 25/10/2022, thời hạn vay 04 năm. Hợp đồng thuê tài chính này chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng hình thức trả lãi sau áp dụng đối với cá nhân, do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm đó cộng biên độ 2,5%/năm.

(16) Trái phiếu chào bán ra công chúng và đã được niêm yết tại Sàn chứng khoán HNX với Mã trái phiếu là BCG122006. Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu: 5 năm. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, và không có đảm bảo. Trái phiếu có lãi suất kết hợp lãi suất cố định và lãi suất thả nổi được xác định như sau :2 kỳ tính lãi đầu tiên là 11.5%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo sau 2 kỳ tính lãi đầu tiên là lãi suất thả nổi được xác định theo công thức như sau: Lãi suất = lãi suất tham chiếu tại kỳ tính lãi đó + biên độ 6%/năm.

(17) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tư vấn phát hành và đại lý lưu ký. Mã trái phiếu là TCDH2124002, ngày phát hành 28/12/2021, số lượng 500.000 trái phiếu, mệnh giá: 1.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn trái phiếu là 36 tháng. Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo. Mục đích phát hành để tăng quy mô vốn cụ thể là nâng cao năng lực, tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng và bất động sản. Trong năm, thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thực hiện mua lại 200.000 trái phiếu trước hạn.

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(18) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tư vấn phát hành và đại lý lưu ký. Mã trái phiếu là TCDH2227002, ngày phát hành 27/09/2022, số lượng 9.900 trái phiếu, mệnh giá: 100.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn trái phiếu là 60 tháng. Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo. Mục đích phát hành để cơ cấu lại nợ của Công ty.

(19) Trái phiếu phát hành theo mệnh giá bằng Đồng Việt Nam nhằm mục đích hợp tác đầu tư và/hoặc đầu tư phát triển dự án bất động sản Kinh Dương Vương tại Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh. Tổng mệnh giá là 2.500.000.000.000 đồng, kỳ hạn ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2021 và được gia hạn thêm 2 năm đến ngày 31 tháng 3 năm 2026. Lãi suất trong bốn (4) kỳ tính lãi đầu tiên là 11%/năm, sau đó lãi suất được xác định bằng lãi suất tham chiếu công bố tại ngày xác định lãi suất có liên quan cộng (+) biên độ 4%/năm nhưng không thấp hơn 11%/năm. Kỳ tính lãi ba (3) tháng/lần.

Trái phiếu của Công ty đã được đăng ký và cấp mã trái phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 6 tháng 10 năm 2023. Tập đoàn được phép thu hồi một phần hoặc toàn bộ số trái phiếu sau mười hai (12) tháng kể từ ngày phát hành theo các quy định cụ thể.

Khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phần thuộc sở hữu của Công ty và cổ đông khác tại Cồn Bắp, cổ phần thuộc sở hữu của bên thứ ba tại công ty sở hữu dự án bất động sản Kinh Dương Vương tại Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, toàn bộ nguồn thu cùng tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ và/hoặc có liên quan đến dự án (khi phát sinh); quyền sử dụng đất của khu vực đất thực hiện (khi có).

(20) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là TNECH2227001, phát hành từ ngày 09 tháng 12 năm 2022 có mệnh giá là 100.000.000 đồng/trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền. Mục đích phát hành là tăng quy mô vốn hoạt động, được đảm bảo bằng các tài sản chi tiết như sau:
- Toàn bộ phần góp vốn thuộc chủ sở hữu của các bên góp vốn tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên;
- Toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ và liên quan đến Dự án Krông Pa 2 (bao gồm nhưng không giới hạn quyền kinh doanh, khai thác, phát triển Dự án Krông Pa 2, nguồn thu từ Dự án Krông Pa 2 và các quyền tài sản khác phát sinh từ Dự án Krông Pa 2;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án Krông Pa 2 (sau khi đủ điều kiện thế chấp theo quy định cả pháp luật);
- 19.284.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital thuộc sở hữu của các cá nhân/tổ chức khác;
- Các tài sản và biện pháp bảo đảm khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của tổ chức phát hành và/ hoặc bên thứ ba theo thỏa thuận giữa các bên liên quan được bổ sung, thay thế tại từng thời điểm nhằm bảo đảm cho các nghĩa vụ được bảo đảm của trái phiếu.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	**2.975.371.740.000**	**(233.004.000)**	**21.404.860.000**	**463.478.572**	**3.908.270.221**	**571.767.743.807**	**4.776.881.493.993**	**8.349.564.582.593**
- Tăng vốn trong năm	2.057.682.630.000	867.159.426.000	-	-	-	-	-	2.924.842.056.000
- Công ty mẹ chia cổ tức	251.621.850.000	-	-	-	-	(503.274.568.500)	-	(251.652.718.500)
- Phát hành cổ phiếu thưởng	50.000.000.000	-		-	-	(50.000.000.000)		-
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	370.773.543.503	196.023.260.684	566.796.804.187
- Tăng/(giảm) do hợp nhất Công ty con	-	-	-	809.062	526.040	61.379.966.040	2.330.731.487.677	2.392.112.788.819
- Cổ tức đã chia tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(145.293.084.081)	(145.293.084.081)
- Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	-	-	(2.875.850.104)	(8.263.736.951)	(11.139.587.055)
Số dư tại 31/12/2022	**5.334.676.220.000**	**866.926.422.000**	**21.404.860.000**	**464.287.634**	**3.908.796.261**	**447.770.834.746**	**7.150.079.421.322**	**13.825.230.841.963**
Số dư tại 01/01/2023	**5.334.676.220.000**	**866.926.422.000**	**21.404.860.000**	**464.287.634**	**3.908.796.261**	**447.770.834.746**	**7.150.079.421.322**	**13.825.230.841.963**
- Lợi nhuận trong năm						58.983.129.855	112.094.205.438	171.077.335.293
- Tăng/(giảm) do hợp nhất Công ty con						125.547.675.265	3.482.480.648.074	3.608.028.323.339
- Cổ tức đã chia tại công ty con			189.300.650.000			(198.270.676.451)	(111.585.678.979)	(120.555.705.430)
- Trích lập các quỹ tại Công ty con						(3.519.856.183)	(12.516.757.734)	(16.036.613.917)
Số dư tại 31/12/2023	**5.334.676.220.000**	**866.926.422.000**	**210.705.510.000**	**464.287.634**	**3.908.796.261**	**430.511.107.232**	**10.620.551.838.121**	**17.467.744.181.248**

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
Cộng	**5.334.676.220.000**	**5.334.676.220.000**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	*Năm trước*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	5.334.676.220.000	2.975.371.740.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	2.359.304.480.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	5.334.676.220.000	5.334.676.220.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	***503.274.568.500***

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	533.467.622	533.467.622
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	533.467.622	533.467.622
+ Cổ phiếu phổ thông	*533.467.622*	*533.467.622*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	533.467.622	533.467.622
+ Cổ phiếu phổ thông	*533.467.622*	*533.467.622*

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.*

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
- Quỹ đầu tư phát triển	3.908.796.261	3.908.796.261
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	464.287.634	464.287.634

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	40.841,53	92.299,73
- Đồng Euro (EUR)	606,95	760,49
b. Nợ khó đòi đã xử lý	***209.235.971.936***	***142.153.182.019***

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	*Năm trước*
a. Doanh thu	***4.112.374.748.419***	***4.595.934.767.679***
- Doanh thu cung cấp hàng hóa, thành phẩm	3.008.018.007.724	3.530.805.098.085
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	217.402.259.775	219.039.354.858
- Doanh thu hoạt động xây dựng	428.683.252.665	600.668.294.822
- Doanh thu bảo hiểm	458.271.228.255	245.422.019.914
b. Các khoản giảm trừ doanh thu	***100.215.858.113***	***64.741.593.534***
- Hàng bán bị trả lại	421.837.171	-
- Hoàn, giảm, nhượng tái bảo hiểm	99.794.020.942	64.741.593.534

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	*Năm trước*
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.990.623.697.642	2.545.688.494.090
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	96.790.342.965	93.497.050.367
- Giá vốn hoạt động xây dựng	362.447.114.785	393.933.396.879
- Giá vốn bảo hiểm	362.600.651.160	156.213.409.775
Cộng	**2.812.461.806.552**	**3.189.332.351.111**

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	46.717.647.147	312.385.488.134
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.665.675.500	134.433.700
- Lãi hợp nhất kinh doanh	-	182.818.396.268
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	300.483.702.280	783.174.722.560
- Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	1.720.775.851.714	1.257.010.021.437
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	805.852.799	11.355.892.083
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	665.807.387	1.211.589.556
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.083.863.771	3.341.898
Cộng	**2.087.198.400.598**	**2.548.093.885.636**

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	1.582.466.411.424	1.434.853.960.245
- (Hoàn nhập)/ Dự phòng đầu tư tài chính	2.114.897.770	622.741.474
- Lỗ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	366.263.865	104.885.316.926
- Chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư	456.682.914.417	605.893.081.871
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.231.306.924	61.926.244.771
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	107.311.643.372	22.806.007.549
- Chi phí tài chính khác	242.998.809.218	170.774.025.905
Cộng	**2.396.172.246.990**	**2.401.761.378.741**

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	*Năm trước*
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	***192.306.085.574***	***215.786.591.177***
- Chi phí nhân viên	5.449.786.326	6.096.604.964
- Chi phí vật liệu, bao bì	3.195.485.628	1.173.382.670
- Chi phí đồ dùng, dụng cụ	16.135.474	51.473.357
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.570.001	7.820.004
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	162.244.380.797	169.137.366.153
- Chi phí bằng tiền khác	21.328.727.348	39.319.944.029
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	***449.868.785.732***	***483.455.987.491***
- Chi phí nhân viên	193.127.188.610	201.263.091.007
- Chi phí vật liệu quản lý	6.117.000.191	7.137.716.839
- Chi phí đồ dùng văn phòng	4.362.376.523	3.878.691.540
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.803.902.496	20.510.661.795
- Thuế, phí và lệ phí	14.975.765.558	10.746.729.046
- Dự phòng / (hoàn nhập dự phòng)	12.959.202.551	8.992.375.730
- Phân bổ lợi thế thương mại	57.008.219.134	84.723.548.877
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.818.706.523	88.356.623.809
- Chi phí khác bằng tiền	44.696.424.146	57.846.548.848

6. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	*Năm trước*
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	398.212.156.995	480.163.915.841
- Chi phí nhân viên	286.683.673.747	285.655.392.581
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	541.386.751.275	473.615.967.953
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.481.764.241.741	2.324.966.765.560
- Chi phí bằng tiền khác	175.887.069.842	224.593.096.951
Cộng	**2.883.933.893.601**	**3.788.995.138.885**

7. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	*Năm trước*
- Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.258.026.416	284.969.173
- Lãi mua rẻ Công ty con	2.847.858.529	29.436.519.133
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng	22.743.111.529	-
- Các khoản khác	40.134.446.005	14.993.433.718
Cộng	**69.983.442.479**	**44.714.922.024**

8. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	*Năm trước*
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	4.023.043.313	-
- Tiền phạt, tiền thuế khác phải đóng do vi phạm hành chính	15.799.727.387	7.305.138.676
- Các khoản khác	12.140.722.368	13.886.370.867
Cộng	**31.963.493.068**	**21.191.509.543**

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Tập đoàn là 20% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với các dự án đầu tư điện mặt trời sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án và các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Điều 23, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ("Thông tư 78") - Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật TNDN, cụ thể như sau:

Tại Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch:

Đối với Nhà máy điện mặt trời Phú Mỹ - giai đoạn 1 và 2: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033).

Tại Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương:

Đối với Nhà máy điện mặt trời Hanwha - BCG Băng Dương: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 04 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033).

Tại Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương:

Đối với Nhà máy điện mặt trời BCG - Băng Dương: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 04 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019 đến năm 2022) và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

	Năm nay	*Năm trước*
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**251.364.984.263**	**812.524.746.208**
+ Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận tính thuế	*501.169.394.812*	*407.644.809.386*
- Tổng thu nhập chịu thuế	**752.534.379.075**	**1.220.169.555.594**
+ Lỗ từ các năm trước chuyển sang	*(216.115.303.181)*	*(11.035.689.388)*
+ Thu nhập được ưu đãi	*(144.943.945.383)*	*(137.278.937.626)*
- Tổng thu nhập tính thuế	**391.475.130.512**	**1.071.854.928.581**
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**98.728.402.369**	**216.053.166.535**
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	*94.078.359.739*	*209.913.066.564*
+ Khoản thuế truy thu, nộp bổ sung	*4.650.042.630*	6.140.099.971

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	500.172.158	8.385.584.891
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(799.024.503)	26.938.334.259
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(18.141.901.054)	(5.649.143.663)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	**(18.440.753.399)**	**29.674.775.486**

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	58.983.129.855	370.773.543.503
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	533.467.622	489.145.762
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**111**	**758**

12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	58.983.129.855	370.773.543.503
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	533.467.622	489.145.762
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**111**	**758**

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay	*Năm trước*
- Chuyển trái phiếu chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu	-	250.000.000.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành ESOP từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối ở Công ty con	193.324.350.000	301.621.850.000
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	135.464.997.748	-

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng đang được đảm bảo, thế chấp cho các khoản vay

Các khoản tiền và tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm 20.830.000.000 đồng đã được bảo đảm, thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng.

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm nay	*Năm trước*
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	5.046.094.985.650	6.961.833.005.219
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-	2.469.849.866.663
Cộng	**5.046.094.985.650**	**9.431.682.871.882**

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	Năm nay	*Năm trước*
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	5.112.368.854.940	5.715.510.005.600
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	3.200.000.000.000	1.385.810.239.670
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	-	250.000.000.000
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	8.188.897.673	4.530.894.648
Cộng	**8.320.557.752.613**	**7.355.851.139.918**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Tên đơn vị	Quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Land	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Energy	Công ty con
Công ty CP BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Financial	Công ty con
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA	Công ty con
Công ty TNHH Phoenix Mountain	Công ty con
Công ty TNHH MTV Helios Village	Công ty con
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác và Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thành Phúc	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sao Sáng Sài Gòn	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thương Mại Vxperia	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Casper Solar	Công ty con gián tiếp (đã thoái từ ngày 20/12/2023)
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Herb Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Orchid Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Violet Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tapiotek	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Nước Sạch Life Purity	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Băng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Công ty con gián tiếp

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

a. Các bên liên quan (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Quan hệ
Công ty Cổ phần TCD Plus	Công ty con gián tiếp
Công ty Taxi Việt Nam	Công ty con gián tiếp (mua từ ngày 10/01/2023)
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Cồn Bắp	Công ty con gián tiếp (mua từ ngày 30/03/2023)
Công ty TNHH Tracodi E&C	Công ty con gián tiếp (mới thành lập ngày 11/05/2023)
Công ty CP Phát triển Điện Gia Huy	Công ty con gián tiếp (chuyển hình thức đầu tư từ 30/11/2023)
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Công ty con gián tiếp (đã thoái từ ngày 12/06/2023)
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Công ty con gián tiếp (đã thoái từ ngày 12/06/2023)
Công ty Cổ phần E power 1	Công ty con gián tiếp (đã thoái từ ngày 26/08/2023)
Công ty TNHH Cơ điện Skylar5	Công ty con gián tiếp (đã thoái từ ngày 01/04/2023)
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Công ty liên kết
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty CP Đầu tư Thương mại DV Gia Khang	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Sơn Long	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Bất Động Sản An Giang	Công ty liên kết gián tiếp (giảm tỷ lệ kiểm soát từ 20/12/2023)
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Bắc Hà	Công ty liên kết gián tiếp (đã thoái từ ngày 25/12/2023)
Công ty Cổ phần 3K Plus Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp (đã thoái từ ngày 22/12/2023)
Công ty TNHH King Crown Riverside Residence	Công ty liên kết gián tiếp (đã thoái từ ngày 28/12/2023)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Mega Solar	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Người nội bộ công ty con liên quan
Group Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần Biệt thự Nghỉ dưỡng Mỹ Khê	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần Thắng Phương	Người nội bộ công ty con liên quan
Công ty Cổ phần White Magnolia	Người nội bộ công ty con liên quan
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành

I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Ngoại trừ các giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm đã được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất, giao dịch trọng yếu với các bên liên quan còn lại là:

Đơn vị	Chỉ tiêu	Số tiền
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	Thu lãi tiền hợp tác kinh doanh	4.455.000.001
	Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	13.991.993.849
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	Cổ tức	663.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	Cung cấp dịch vụ khác	76.225.670.883
	Mua hàng hóa, dịch vụ	134.208.105
	Lãi hợp tác kinh doanh phải trả	35.425.962.729
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Nhận chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	41.731.961.000
	Lãi hợp tác kinh doanh phải thu	11.915.000.000
	Lãi trái phiếu	8.793.698.630
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	642.472.392
	Thuê văn phòng	25.522.059.139
Công ty Cổ phần Thắng Phương	Lãi hợp tác kinh doanh phải thu	31.534.420.602
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.834.780.000
	Mua hàng hóa, dịch vụ	3.044.893.189
	Lãi cho vay	333.252.170
	Lãi hợp tác kinh doanh	418.691.264.655
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.550.000.000
	Mua hàng hóa, dịch vụ	2.282.771.756
	Lãi cho vay	68.883.285
	Lãi hợp tác kinh doanh	200.946.082
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.550.000.000
	Mua hàng hóa, dịch vụ	2.282.771.756
	Lãi cho vay	112.431.949
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.800.535.000
	Lãi vay	38.936.984
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Chi phí vận hành nhà máy điện	34.633.869.870
	Cung cấp dịch vụ	866.401.273
	Cổ tức được chia	6.860.000.000
Công ty Cổ phần Mega Solar	Lãi hợp tác kinh doanh	17.901.861.765
	Lãi cho vay	3.149.998
	Lãi vay	4.355.171.232
Công Ty CP Năng Lượng Dương Phong	Lãi cho vay	28.218.082
Công ty Cổ phần White Magnolia	Thu nhập lãi từ hợp tác kinh doanh	124.500.000.000
Công ty Cổ phần Biệt thự Nghỉ dưỡng Mỹ Khê	Thu nhập lãi từ hợp tác kinh doanh	43.007.216.712
Công ty Cổ phần Băng Dương E&C	Doanh thu cung cấp dịch vụ	400.000.000
	Mua hàng hóa, dịch vụ	467.978.991

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác

Họ tên	Chức danh	Số tiền
Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT	624.000.000
Phạm Nguyễn Thiên Chương	Thành viên HĐQT	130.000.000
Bùi Thành Lâm	Thành viên HĐQT	14.000.000
Nguyễn Tùng Lâm	Thành viên HĐQT	912.666.667
Tan Bo Quan, Andy	Thành viên HĐQT	816.973.333
Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	43.541.667
Vũ Xuân Chiến	Thành viên HĐQT	130.625.000
Đặng Đình Tuấn	Thành viên HĐQT	60.000.000
Nguyễn Thế Tài	Tổng Giám đốc	572.000.000
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	845.000.000
Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	1.010.000.000
Hoàng Thị Minh Châu	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	228.500.000
Phạm Hữu Quốc	Kế toán trưởng	1.396.333.332
Đồng Hải Hà	Trưởng ban kiểm soát	776.611.109
Kou Kou Yiow	Thành viên ban kiểm soát	36.000.000
Nguyễn Viết Cương	Thành viên ban kiểm soát	530.116.668
Cộng		**8.126.367.776**

d. Số dư cuối năm với các bên liên quan

Tên đơn vị	Chỉ tiêu	Số tiền
Công ty TNHH B.O.T ĐT 830	131	5.641.183.539
	216	40.500.000.000
	319	350.010.000
Công ty Cổ phần Băng Dương E&C	131	4.373.982.180
	132	284.737.429
	136	200.000.000
	311	17.451.500
Công ty Cổ phần Khai Thác Khoáng Sản Bắc Hà	135	6.270.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	255	100.000.000.000
	131	4.532.059.071
	136	5.970.495.479
	216	164.208.219.178
	337	40.000.000.000
	312	61.536.856.516
	311	30.896.807.138
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	337	104.000.000.000
	311	88.378.088
	312	965.662.461.672
	319	213.989.280.532
	131	2.020.000.000
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	131	556.200.000
	311	14.074.175.632
	315	1.274.728.000
Công ty Cổ phần Thắng Phương	136	300.961.341.149
	216	196.000.000.000
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	131	766.923.000
	319	260.443.833
	320	800.000.000

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

d. Số dư cuối năm với các bên liên quan (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Chỉ tiêu	Số tiền
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	131	5.686.526.000
	312	728.079.060.078
	136	2.380.468.707.237
	215	7.360.022.927
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	131	3.009.000.000
	135	825.000.000
	136	128.744.883.285
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	131	2.709.000.000
	136	109.386.744
	215	2.513.000.000
Công ty Cổ phần Mega Solar	135	1.035.000.000
	136	806.375.746.967
	315	996.917.808
	319	15.362.534.246
	320	15.500.000.000
Công Ty CP Năng Lượng Dương Phong	135	607.000.000
	136	1.094.970.218.082
Công ty Cổ phần White Magnolia	136	400.300.000
	216	830.000.000.000
Công ty Cổ phần Biệt thự nghỉ dưỡng Mỹ Khê	136	1.785.216.712
	216	475.390.000.000
Ông Nguyễn Hồ Nam	319	4.560.000.000

Giá trị tài sản của bên liên quan được cam kết để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn

Ông Nguyễn Hồ Nam	5 triệu cổ phiếu trong Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital
Ông Phạm Minh Tuấn	2,369 triệu cổ phiếu trong Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital

2. CÁC CAM KẾT

a. Bảo lãnh

Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land đã cam kết bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của các lô trái phiếu phát hành như sau:

Bên được bảo lãnh	Bên nhận bảo lãnh	Ngày văn bản bảo lãnh	Kỳ hạn	Giá trị bảo lãnh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	21/06/2021	36 tháng	3.000.000.000.000

Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Energy đã cam kết bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của các lô trái phiếu phát hành như sau:

Bên được bảo lãnh	Bên nhận bảo lãnh	Ngày văn bản bảo lãnh	Kỳ hạn	Giá trị bảo lãnh
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	08/12/2022	60 tháng	500.000.000.000

Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng đã thế chấp toàn bộ tài sản thuộc Dự án Nhà máy Điện gió BCG Sóc Trăng 1 và tất cả tài khoản ngân hàng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Nam Á để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy từ Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte Ltd.

b. Cam kết khác

Theo Thư Thỏa thuận Phí Dịch vụ Đại lý ngày 29 tháng 03 năm 2021 và các Phụ lục thay đổi Phí dịch vụ giữa Công ty con - Công ty Cổ phần BCG Land và Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong, Công ty con phải thanh toán khoản tiền phí dịch vụ đại lý theo một tỷ lệ nhất định dựa trên giá trị mệnh giá trái phiếu của lô trái phiếu trị giá 2.500.000.000.000 đồng từ năm lưu hành thứ hai của trái phiếu bắt đầu từ ngày 31 tháng 03 năm 2022. Theo Thỏa thuận Phí Dịch vụ Trái phiếu ngày 30 tháng 9 năm 2023, mức phí là 3,3% trên giá trị mệnh giá trái phiếu. Tỷ lệ này có thể thay đổi trong tương lai tùy thuộc vào sự thỏa thuận của Công ty và đại lý lưu ký trái phiếu.

3. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Bán hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Xây lắp	Bảo hiểm
Doanh thu thuần	3.008.018.007.724	216.980.422.604	428.683.252.665	358.477.207.313
Giá vốn	1.990.623.697.642	96.790.342.965	362.447.114.785	362.600.651.160
Lợi nhuận gộp	**1.017.394.310.082**	**120.190.079.639**	**66.236.137.880**	**(4.123.443.847)**

4. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 02/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 31 tháng 1 năm 2024, Tập đoàn đã ký kết hợp đồng nguyên tắc ngày 31 tháng 1 năm 2024 để sở hữu 45% cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa, một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0304374871 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 5 năm 2006. Theo đó, Tập đoàn sẽ thực hiện phát triển thêm Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tây Bắc - huyện Củ Chi, Nhà máy đốt rác Tâm Sinh Nghĩa - Long An, Xã Tân Đông, huyện Thạnh Hóa, Tỉnh Long An, Nhà máy xử lý rác Thành phố Rạch Giá - Kiên Giang tại Xã Mỹ Lâm, Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang, Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Thủy Phương tại Xã Thủy Phương, Huyện Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế và Nhà máy xử lý rác thải tại Xã Duy Minh, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam từ việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa nói trên.

5. NỢ TIỀM TÀNG

Tập đoàn đang có một số hợp đồng thuê đất trực tiếp từ Nhà Nước để phục vụ cho các dự án điện mặt trời và điện gió của Tập đoàn. Căn cứ theo các điều khoản trong hợp đồng thuê đất này, việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng thuê được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đánh giá rằng nghĩa vụ khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến các dự án điện mặt trời và điện gió là chưa chắc chắn.

Tập đoàn đang có các hợp đồng thuê mái nhà để phục vụ cho các dự án điện mặt trời áp mái của Tập đoàn. Căn cứ theo các điều khoản trong hợp đồng thuê mái nhà này, sau khi kết thúc hợp đồng thuê, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ thu hồi hệ thống điện mặt trời áp mái, khôi phục lại và hoàn trả lại mặt bằng khu vực lắp đặt về tình trạng như nêu tại biên bản bàn giao mặt bằng ban đầu nếu như bên cho thuê mái không mua lại hệ thống này. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đánh giá rằng nghĩa vụ khôi phục và giải phóng mái nhà liên quan đến các dự án điện mặt trời áp mái là chưa chắc chắn.

6. NGHĨA VỤ TÁI CHẾ TẤM QUANG NĂNG

Theo Điều 77 và 78 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật bảo vệ môi trường ("Nghị định") do Chính phủ ban hành ngày 10 tháng 01 năm 2022, Tập đoàn có trách nhiệm tái chế tấm quang năng sử dụng trong các dự án điện mặt trời khi hết thời hạn sử dụng. Theo hướng dẫn của Nghị định, việc tái chế có thể theo các hình thức là tự thực hiện tái chế, thuê đơn vị tái chế để thực hiện tái chế, ủy quyền cho tổ chức trung gian, hoặc có thể kết hợp các hình thức này. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn chưa xác định được phương thức tái chế cũng như tính toán chi phí cho việc tái chế do Nghị định chưa có hướng dẫn cụ thể.

7. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh (số liệu năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022) của một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital quyết định điều chỉnh do ảnh hưởng việc thay đổi chính sách kế toán về phân bổ chi phí kinh doanh bảo hiểm trực tiếp tại Công ty con - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA - cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu 31/12/2022 (trước điều chỉnh)	Số liệu 31/12/2022 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
TÀI SẢN				
Chi phí trả trước ngắn hạn		59.914.273.264	82.203.869.025	22.289.595.761
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		213.008.644.651	209.194.188.469	(3.814.456.182)
NGUỒN VỐN				
LNST chưa phân phối năm nay		409.294.630.949	430.518.519.270	21.223.888.321
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		7.145.199.257.700	7.150.079.421.322	4.880.163.622

7. THÔNG TIN SO SÁNH (TIẾP THEO)

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022 (trước điều chỉnh)	Năm 2022 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT				
Giá vốn hàng bán		3.211.621.946.872	3.189.332.351.111	(22.289.595.761)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		33.489.231.668	29.674.775.486	(3.814.456.182)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		540.692.752.244	566.796.804.187	26.104.051.943
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		349.549.655.182	370.773.543.503	21.223.888.321
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		191.143.097.062	196.023.260.684	4.880.163.622

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022 (trước điều chỉnh)	Năm 2022 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT				
Lợi nhuận trước thuế		790.235.150.447	812.524.746.208	22.289.595.761
(Tăng)/giảm chi phí trả trước		26.296.100.012	4.006.504.251	(22.289.595.761)

Ghi chú:

Chênh lệch là do Công ty con - Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA - đã tự nguyện thay đổi chính sách kế toán theo phương pháp hồi tố đối với việc phân bổ chi phí kinh doanh bảo hiểm trực tiếp nhằm cung cấp thông tin tin cậy và thích hợp hơn về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Những điều chỉnh trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trong năm tài chính 2022 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA có sự thay đổi. Theo đó, ảnh hưởng tương ứng đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital.

Số liệu so sánh (còn lại) là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Chủ tịch HĐQT
Huỳnh Minh Trường	Phạm Hữu Quốc	Phạm Minh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----------***----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 28/2024-BCG	----------***----------
V/v: Giải trình biến động kết quả SXKD kiểm toán năm 2023	*TP.HCM, ngày **30** tháng **03** năm **2024***

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Căn cứ theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ký ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; CTCP Tập đoàn Bamboo Capital (BCG) xin giải trình với Quý Sở, Quý Ủy ban về chênh lệch lợi nhuận sau thuế trong BCTC riêng lẻ và hợp nhất kiểm toán năm 2023 như sau:

1. **Giải trình chênh lệch so với cùng kỳ năm trước:**

Đơn vị tính: đồng

Loại Báo cáo tài chính ("BCTC")	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (đồng)**			
	2023	**2022**	**Chênh lệch (1) so với (2)**	**Tỷ lệ chênh lệch (1) so với (2)**
	(1)	**(2)**	**(3)= (1) - (2)**	**(4)= (3)/(2)*100**
BCTC riêng lẻ	882.176.263	435.203.531.237	(435.203.531.237)	(99,8%)
BCTC hợp nhất	171.077.335.293	566.796.804.187	(395.719.468.894)	(69,8%)

Giải trình của công ty như sau:

Đối với báo cáo riêng lẻ: Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ đạt 882,2 triệu đồng, giảm 99,8% so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu do năm 2023 không nhận cổ tức từ các công ty thành viên như cùng kỳ năm trước.

Đối với báo cáo hợp nhất: Lợi nhuận sau thuế đạt 171,1 tỷ đồng, giảm 69,8% so với cùng kỳ năm trước do tình hình kinh tế vĩ mô gặp nhiều biến động, tỷ giá ngoại tệ tăng mạnh, giá cả nguyên vật

liệu tăng cao, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm thấp đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty làm ảnh hưởng đến lợi nhuận.

2. Giải trình chênh lệch sau kiểm toán

Đơn vị tính: đồng

Loại Báo cáo tài chính ("BCTC")	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (đồng)			
	Sau kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch (1) so với (2)	Tỷ lệ chênh lệch (1) so với (2)
	(1)	(2)	(3)= (1) - (2)	(4)= (3)/(2)*100
BCTC riêng lẻ	882.176.263	18.809.653.263	(17.927.477.000)	(95,3%)
BCTC hợp nhất	171.077.335.293	188.185.200.584	(17,107,865,291)	(9,1%)

Giải trình của công ty như sau:

Đối với báo cáo riêng lẻ: Lợi nhuận sau thuế năm 2023 sau kiểm toán đạt 882,2 triệu đồng, chênh lệch giảm 95,5% so với trước khi kiểm toán do công ty mẹ trích lập bổ sung chi phí dự phòng đối với khoản đầu tư vào công ty thành viên (Tổng công ty CP Bảo hiểm AAA), do công ty này thay đổi chính sách kế toán dẫn đến việc điều chỉnh số dư đầu kỳ tăng phân bổ chi phí vào năm 2023.

Đối với báo cáo hợp nhất: Lợi nhuận sau thuế năm 2023 sau kiểm toán đạt 171,1 tỷ đồng, chênh lệch giảm 9,1% so với trước kiểm toán, nguyên nhân do Tổng công ty CP Bảo hiểm AAA thay đổi chính sách kế toán làm tăng chi phí năm 2023 so với số trước kiểm toán.

Công ty xin báo cáo để Quý Ủy ban và Sở được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BAMBOO CAPITAL

PHẠM MINH TUẤN

Nơi nhận:
- *Như trên*
- *Lưu VP*